##### BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



**BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG**

**SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

**TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ**

**Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38217713 Fax: (08) 38217452

Website: [www.hsx.vn](http://www.hsx.vn)

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

**Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất**

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, P.2, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38448358 Fax: (08) 38447812

Website: [www.sasco.com.vn](http://www.cienco6.vn)

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 17 Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải,Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (04) 39360261 Fax: (04) 39360262

Website: [www.vcbs.com.vn](http://www.vcbs.com.vn)

***Tp.Hồ Chí Minh, tháng 8năm 2014***

**NHỮNG THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ VIỆC  
BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG CỦA  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ  
HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Số lượng cổ phần chào bán: **31.097.900** cổ phần, chiếm **23,65%**vốn điều lệ.

Loại cổ phần chào bán: Cổ phần phổ thông.

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Giá khởi điểm: 10.000 đồng/cổ phần.

Đặt cọc: 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm.

Đối tượng tham gia: Các tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất.

Tổ chức bán đấu giá cổ phần: Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh

Thời gian tổ chức đấu giá: Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất.

Địa điểm tổ chức đấu giá: Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh, địa chỉ: Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.



**MỤC LỤC**

PHẦN I: [THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ 3](#_Toc395709074)

[I. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ 3](#_Toc395709075)

[II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN 3](#_Toc395709077)

[1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa 3](#_Toc395709078)

[2. Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất 3](#_Toc395709079)

[3. Tổ chức tư vấn 3](#_Toc395709080)

[III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT 3](#_Toc395709081)

PHẦN II: THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA 9

[I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA 3](#_Toc395709082)

[1. Giới thiệu về doanh nghiệp 3](#_Toc395709083)

[2. Quá trình hình thành và phát triển 3](#_Toc395709084)

[3. Ngành nghề kinh doanh 3](#_Toc395709085)

[4. Cơ cấu tổ chức của Công ty 3](#_Toc395709090)

[4.1. Sơ đồ tổ chức của Công ty 3](#_Toc395709091)

[4.2. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty 3](#_Toc395709092)

[4.3. Tổ chức chính trị và chính trị - xã hội 3](#_Toc395709093)

[4.4. Các đơn vị Sasco đầu tư vốn 3](#_Toc395709094)

[5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con 3](#_Toc395709095)

[6. Thực trạng về lao động và kế hoạch sắp xếp lao động 3](#_Toc395709096)

[II. GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HÓA 3](#_Toc395709097)

[1. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013 3](#_Toc395709098)

[2. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp 3](#_Toc395709099)

[2.1 Thực trạng về TSCĐ 3](#_Toc395709100)

[2.2 Thực trạng về đất đai đang sử dụng 3](#_Toc395709101)

[PHẦN III](#_Toc395709102) [TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA 3](#_Toc395709103)

[1. Tình hình hoạt động kinh doanh 3](#_Toc395709104)

[2. Nguồncung ứng nguyên vật liệu/ hàng hóa 3](#_Toc395709105)

[3. Cơ cấu chi phí 3](#_Toc395709106)

[4. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới 3](#_Toc395709107)

[5. Trình độ công nghệ 3](#_Toc395709108)

[6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ 3](#_Toc395709109)

[7. Hoạt động Marketing 3](#_Toc395709110)

[8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền 3](#_Toc395709111)

[9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết 3](#_Toc395709112)

[10. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa 3](#_Toc395709114)

[11. Xếp loại doanh nghiệp 3](#_Toc395709115)

[12. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo 3](#_Toc395709116)

[13. Vị thế của Công ty và triển vọng phát triển của ngành 3](#_Toc395709117)

[13.1 Vị thế của Công ty 3](#_Toc395709118)

[13.2 Triển vọng phát triển của ngành 3](#_Toc395709119)

[13.3 Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty 3](#_Toc395709120)

PHẦN IV [PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA 3](#_Toc395709122)

[I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA 3](#_Toc395709123)

[1. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa 3](#_Toc395709124)

[2. Hình thức pháp lý 3](#_Toc395709125)

[3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến 3](#_Toc395709126)

[4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ 3](#_Toc395709127)

[4.1 Căn cứ xác định vốn điều lệ 3](#_Toc395709128)

[4.2 Quy mô vốn điều lệ 3](#_Toc395709129)

[4.3 Cơ cấu vốn điều lệ 3](#_Toc395709130)

[5. Cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần sau cổ phần hóa 3](#_Toc395709131)

[II. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SAU CỔ PHẦN HÓA 3](#_Toc395709132)

[1. Một số dự báo 3](#_Toc395709133)

[1.1. Tình hình kinh tế - xã hội 3](#_Toc395709134)

[1.2. Dự báo ngành 3](#_Toc395709135)

[2. Tầm nhìn, định hướng và chiến lược phát triển công ty cổ phần 3](#_Toc395709136)

[2.1 . Tầm nhìn 3](#_Toc395709137)

[2.2 . Định hướng 3](#_Toc395709138)

[2.3 . Chiến lược phát triển 3](#_Toc395709139)

[3. Kế hoạch đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh 3](#_Toc395709140)

[4. Phương án sử dụng đất đai 3](#_Toc395709141)

[5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa 3](#_Toc395709142)

[5.1. Cơ cấu các nhóm doanh thu 2014 -2016 3](#_Toc395709143)

[5.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 – 2016 3](#_Toc395709144)

[5.3. Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2014 -2016 3](#_Toc395709145)

[5.4. Kế hoạch tài chính 3](#_Toc395709146)

[5.5. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản 2014 -2016 3](#_Toc395709147)

[6. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 3](#_Toc395709148)

[6.1. Giải pháp kinh doanh 3](#_Toc395709149)

[6.2. Giải pháp về đầu tư 3](#_Toc395709150)

[6.3. Giải pháp về vốn, tài chính 3](#_Toc395709151)

[6.4. Giải pháp về nguồn nhân lực 3](#_Toc395709152)

[6.5. Kế hoạch marketing quảng bá thương hiệu 3](#_Toc395709153)

[6.6. Thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí 3](#_Toc395709154)

[III. CÁC RỦI RO DỰ KIẾN 3](#_Toc395709155)

[1. Rủi ro về kinh tế 3](#_Toc395709156)

[2. Rủi ro tài chính 3](#_Toc395709157)

[4. Rủi ro pháp lý 3](#_Toc395709158)

[5. Rủi ro đặc thù của ngành 3](#_Toc395709159)

[6. Rủi ro đợt chào bán 3](#_Toc395709160)

PHẦN V: [THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 3](#_Toc395709161)

[I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN 3](#_Toc395709163)

[1. Đối tượng mua cổ phần 3](#_Toc395709164)

[2. Phương thức chào bán 3](#_Toc395709165)

[2.1 Cổ phần người lao động được mua ưu đãi 3](#_Toc395709166)

[2.2 Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn 3](#_Toc395709167)

[2.3 Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược 3](#_Toc395709168)

[2.4 Cổ phần chào bán đấu giá công khai 3](#_Toc395709169)

[3. Phương thức thanh toán và thời gian thanh toán 3](#_Toc395709170)

[II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA 3](#_Toc395709171)

[III. KẾT LUẬN 3](#_Toc395709172)

**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

[Bảng 1: Các đơn vị Sasco đầu tư vốn: 3](#_Toc393169895)

[Bảng 2:Thực trạng về lao động trong 3 năm qua 3](#_Toc393169896)

[Bảng 3: Kế hoạch sắp xếp lao động 3](#_Toc393169897)

[Bảng 4: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của Sasco tại thời điểm 31/12/2013: 3](#_Toc393169898)

[Bảng 5: Tình hình tài sản tại 31/12/2013 của Công ty 28](#_Toc393169899)

[Bảng 6: Danh sách đất đai Công ty đang quản lý và sử dụng 3](#_Toc393169900)

[Bảng 7: Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp của Công ty 3](#_Toc393169901)

[Bảng 8: Cơ cấu chi phí củaCông ty 3](#_Toc393169902)

[Bảng9: Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết 3](#_Toc393169903)

[Bảng10: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2011 – 2013 3](#_Toc393169904)

[Bảng 11: Cổ phần nắm giữ của các cổ đông 3](#_Toc393169905)

[Bảng 12: Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực hoạt động của Sasco giai đoạn 2014 – 2016 3](#_Toc393169906)

[Bảng 13: Kế hoạch SXKD của Công ty giai đoạn 2014 – 2016 3](#_Toc393169907)

[Bảng 14: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2014 – 2016 3](#_Toc393169908)

[Bảng 15: Kế hoạch tài chính của Công ty giai đoạn 2014 – 2016 3](#_Toc393169909)

[Bảng 16: Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2014 – 2016 3](#_Toc393169910)

[Bảng 17: Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa 3](#_Toc393169911)

**DANH MỤC BIỂU ĐỒ**

[Biểu đồ 1: Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp của Công ty 3](#_Toc393169968)

[Biểu đồ 2: Cơ cấu vốn điều lệ và cơ cấu cổ phần bán ra bên ngoài 3](#_Toc393169969)

**PHẦN I**

## THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

## CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

* Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.
* Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
* Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.
* Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ.
* Căn cứ văn bản số 12348/BGTVT-QLDN ngày 19/03/2013 của Bộ Giao thông vận tải về thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất.
* Căn cứ Quyết định số 1460/QĐ-BGTVT ngày 30/05/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam.
* Quyết định 2524/QĐ-BGTVT ngày 23/08/2013 của Bộ trưởngBộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa.
* Quyết định số 917/QĐ-BGTVT ngày 27/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất thuộc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.
* Quyết định số 2572/QĐ-BGTVT ngày 07/07/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất thuộc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần.

## NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

### Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Ông **Nguyễn Nguyên Hùng** Chủ tịch Hội đồng thành viên TCT CHKVN

Trưởng Ban chỉ đạo CPH SASCO

### Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất

Ông **Nguyễn Quốc Danh**  Chủ tịch – Giám đốc Công ty

Ông **Nguyễn Văn Hùng Cường** Kế toán trưởng Công ty

Những người có tên được nêu trên đây bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viênDịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất, trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

### Tổ chức tư vấn

Ông **Lê Văn Minh** Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.

Việc đánh giá và chọn lựa ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được chúng tôi thực hiện một cách thận trọng, dựa trên các thông tin và số liệu do của Công ty TNHH Một thành viênDịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất cung cấp. Chúng tôi bảo đảm rằng các bước thực hiện và nội dung Bản công bố thông tin này đã tuân thủ theo đúng những trình tự bắt buộc, nhưng không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán.

## CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

* CBCNV : Cán bộ công nhân viên.
* Công ty : Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất
* CPH : Cổ phần hóa
* DTT : Doanh thu thuần.
* ĐKDN : Đăng ký doanh nghiệp.
* GTDN : Giá trị doanh nghiệp.
* ISO :International Organization for Standardization – Cơ quan thiết lập tiêu chuẩn quốc tế bao gồm các đại diện từ các tổ chức tiêu chuẩn các quốc gia.
* MTV : Một thành viên.
* QLDN : Quản lý doanh nghiệp.
* QSDĐ : Quyền sử dụng đất.
* ROA : Return on Assets – Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản.
* ROE : Return on Equity – Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu.
* ROS : Return on Sales – Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu.
* SXKD : Sản xuất kinh doanh.
* TMCP : Thương mại cổ phần.
* TNHH : Trách nhiệm hữu hạn.
* TSCĐ : Tài sản cố định.
* VCBS : Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

**PHẦN II**

**TÌNH HÌNH VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA**

## THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

### Giới thiệu về doanh nghiệp

|  |  |
| --- | --- |
| * + Tên gọi đầy đủ: | **Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất** |
| * + Tên viết tắt: | Sasco |
| * + Tên tiếng Anh: | Southern Airports Services Company Limited |
| * + Địa chỉ: | Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, P.2, Q.Tân Bình, Tp.Hồ ChíMinh |
| * + Điện thoại: | (08) 38448358 Fax: (08) 38447812 |
| * + Email: | [sasco@sasco.com.vn](mailto:sasco@sasco.com.vn) |
| * + Website: | [www.sasco.com.vn](http://www.sasco.com.vn) |
| * + Biểu tượng: |  |

### Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1992, tình hình kinh tế xã hội trên cả nước đã có những bước chuyển biến tích cực, bắt đầu tiến trình hội nhập quốc tế trên nhiều lĩnh vực, ngành Hàng không Việt Nam đứng trước yêu cầu cần có sự phân định rõ chức năng quản lý Nhà nước và chức năng kinh doanh, qua đó, tạo điều kiện cho ngành thực hiện tổ chức quản lý, điều hành và sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao; đồng thời khai thác và phát huy tốt các nguồn lực, đưa hoạt động kinh doanh vận tải Hàng không nhanh chóng trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của cả nước. Ngày 30/06/1992, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định 242/HĐBT thành lập Cục Hàng không dân dụng Việt Nam, tạo cơ sở cho việc tách hai khối Quản lý nhà nước và Sản xuất kinh doanh trong hoạt động Hàng không. Theo đó, các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được tách ra hoạt động độc lập với các Cụm Cảng Hàng không và các hãng Hàng không.

Ngày 22/04/1993 Công ty Dịch vụ Cụm cảng hàng không Sân bay Miền Nam được thành lập theo Quyết định số 776/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Tên giao dịch tiếng Anh viết tắt của Công ty là: Sasco (viết tắt từ các chữ tiếng Anh: Southern Airports Services Company).

Năm 1994, thực hiện Nghị định 338/HĐBT, Sasco được thành lập lại theo Quyết định số 1807 QĐ/TCCB-LĐ ngày 19/10/1994 của Bộ giao thông vận tải; là một doanh nghiệp nhà nước, hạch toán độc lập, chịu sự quản lý của Nhà nước và của Cục Hàng không Dân dụng Việt Nam.

Năm 1997, thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc thành lập các Công ty mạnh, tạo tiền đề hình thành các tập đoàn kinh tế đủ sức cạnh tranh trên thị trường khu vực và quốc tế trong xu thế mở cửa hợp tác của đất nước; Tổng công ty Hàng không ra đời trên cơ sở lấy hãng Hàng không quốc gia (Việt Nam Airlines) làm nòng cốt và bao gồm các đơn vị sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong ngành Hàng không. Sasco trở thành một thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam theo *quyết định số 1027/QĐ-HĐQT*ngày 30/06/1997 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Hàng không Việt Nam và được đổi tên thành: ***Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân sơn nhất***.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế Việt Nam nói chung và ngành Hàng không nói riêng, Sasco đã nhanh chóng ổn định tổ chức, từng bước xây dựng doanh nghiệp, mạnh dạn đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực, triển khai hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, từng bước xây dựng thương hiệu Sasco trên thị trường trong nước và quốc tế.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới, cạnh tranh và phát triển bền vững, Sasco luôn đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo người lao động, các hoạt động tiêu chuẩn hóa và quản lý chất lượng. Năm 2003, Công ty bắt đầu thực hiện đào tạo, tập huấn về hệ thống quản lý chất lượng (tiêu chuẩn ISO 9001-2000) và tổ chức đào tạo đánh giá viên nội bộ cho nhiều cán bộ chủ chốt của tất cả các đơn vị thành viên. Một thành viên chủ lực của Sasco là Xí nghiệp Dịch vụ Thương nghiệp Hàng không đã được cấp chứng nhận Tiêu chuẩn Quản lý chất lượng ISO 9001-2000 năm 2006. Các đơn vị kinh doanh nòng cốt của Sasco như các Nhà hàng, các Phòng khách VIP, Phòng khách thương gia, các cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế (Duty Free Shop) tại sân bay… đều được cấp chứng nhận đạt chuẩn của ngành du lịch.

Ngày 27/02/2006 căn cứ tình hình thực tế và quá trình đổi mới doanh nghiệp, Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải đã ký quyết định số 479/QĐ-BGTVT về việc chuyển giao Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân sơn nhất thuộc Tổng Công ty Hàng không Việt Nam về Cụm cảng Hàng không Miền Nam.

Ngày 16/01/2008 Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số 168/QĐ-BGTVT chính thức thành lập Tổng công ty Cảng Hàng không Miền Nam trên cơ sở Cụm cảng Hàng không các Sân bay Miền Nam. Sasco chính thức là một Doanh nghiệp hạch toán độc lập trực thuộc Tổng công ty Cảng Hàng không Miền Nam.

Thực hiện chủ trương đổi mới doanh nghiệp của Nhà nước, từ ngày 01/07/2010 Công ty Dịch vụ Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất chuyển đổi loại hình kinh doanh thành Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất trực thuộc Tổng công ty Cảng Hàng không Miền Nam.

Ngày 08/02/2012 Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số 238/QĐ-BGTVT thành lập Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam, tổ chức hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Công ty Sasco là công ty con trực thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam.

Thực hiện Quyết định số 49/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, Công ty đã triển khai quyết liệt cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất.

Với nhiều đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Ngành Hàng Không Dân Dụng Việt Nam và của đất nước, Sasco đã được ghi nhận bằng những phần thưởng cao quý:

* Năm 1995, Sascođónnhận Huân chương Lao động hạng Ba;
* Năm 1999, Sasco đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì;
* Năm 2003, Sasco đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất;
* Năm 2012, Sasco vinh dự đón nhận Huân chương Độc Lập hạng Ba;
* Từ năm 1993 – 2009, Sasco liên tục được đón nhận các Bằng khen, Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ, các cấp Bộ, Ngành, Cục Hàng không Việt Nam và UBND Tp.Hồ Chí Minh;
* Năm 2008 Sasco nhận Cúp vàng ISO, chứng nhận là đơn vị xuất sắc trong việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế;
* Từ năm 2007 đến nay, Sasco luôn nằm trong danh sách 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) do Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam và Báo điện tử Vietnamnet tổ chức;
* Năm 2010, Sasco vinh dự xếp vị trí thứ 202 trong Bảng xếp hạng 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (V1000) do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam và Tạp chí Thuế - Tổng Cục Thuế tổ chức;
* Liên tiếp trong 03 năm liền từ năm 2008 đến năm 2010, Công ty Sasco được Trung tâm Thông tin Tín dụng CIC – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xếp hạng AAA– hạng cao nhất trong Bảng xếp hạng Tín dụng Doanh nghiệp (\*).

*(\*) Hạng AAA được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam định nghĩa là Hạng tối ưu trong Bảng xếp hạng tín dụng Doanh nghiệp, thể hiện doanh nghiệp hoạt động hiệu quả cao, khả năng tự chủ tài chính rất tốt; triển vọng phát triển lâu dài, tiềm lực tài chính mạnh; lịch sử vay trả nợ tốt; rủi ro thấp nhất.*

### Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301123125 đăng ký lần đầu ngày 30/06/2010 và thay đổi lần thứ 4 ngày 16/06/2014, ngành nghề kinh doanh của Sasco gồm:

| **Tên ngành** | **Mã ngành** |
| --- | --- |
| Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp  *Chi tiết: kinh doanh hàng miễn thuế. Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào, hàng thủ công mỹ nghệ, vàng bạc, đá quý, văn hóa phẩm (có nội dung được phép lưu hành); nông, lâm, hải sản nguyên liệu, động vật sống (không hoạt động tại trụ sở và trừ động vật quý hiếm); hóa chất sử dụng trong nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật); vật liệu xây dựng, xe có động cơ, mô tô, xe gắn máy, phụ tùng cho xe có động cơ; xăng, dầu, mỡ (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); nguyên vật liệu phi nông nghiệp, phế liệu và đồ phế thải (không hoạt động tại trụ sở); máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế ngành công – nông – ngư nghiệp, hóa chất (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); tạp phẩm, máy móc, thiết bị, đồ dùng cá nhân và gia đình; sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); xăng, dầu, mỡ, nhớt, gia vị, nước chấm, nước sốt, thủy hải sản, thức ăn thủy sản (không hoạt động tại trụ sở). Xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ hành khách.* | 4719 (chính) |
| Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)  *Chi tiết: Dịch vụ massage, xoa bóp, bấm huyệt đôi bàn chân, tắm bùn khoáng.* | 9610 |
| Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê  *Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Cho thuê kho, nhà ở, cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh.* | 6810 |
| Chuyển phát  *Chi tiết: dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện, dịch vụ chuyển phát nhanh hàng hóa.* | 5320 |
| Vận tải hàng khách đường bộ trong nội thành và ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)  *Chi tiết: Đại lý vận tải bằng đường bộ, vận tải khách du lịch, vận tải hành khách theo tuyến cố định theo hợp đồng bằng taxi, xe buýt.* | 4931 |
| Đại lý du lịch. | 7911 |
| Quảng cáo. | 7310 |
| Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận. | 7320 |
| Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón  *Chi tiết: Khai thác, chế biến bùn khoáng (không hoạt động tại trụ sở).* | 0891 |
| Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu  *Chi tiết: Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt (không hoạt động tại trụ sở).* | 1079 |
| Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động tại trụ sở). | 1075 |
| Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không hoạt động tại trụ sở). | 3100 |
| Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. | 5210 |
| Đại lý, môi giới, đấu giá  *Chi tiết: Môi giới thương mại.* | 4610 |
| Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. | 8230 |
| Hoàn thiện công trình xây dựng. | 4330 |
| Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan  *Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình. Thiết kế nội, ngoại thất công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế quy hoạch xây dựng. Thẩm tra thiết kế công trình. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng. Quản lý dự án. Thẩm tra dự án đầu tư. Lập dự toán và tổng dự toán công trình. Khảo sát địa hình xây dựng công trình.* | 7110 |
| Dịch vụ lưu trú ngắn ngày  *Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)* | 5510 |
| Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động  *Chi tiết: Nhà hàng. Dịch vụ cung cấp khẩu phần ăn trên máy bay. Dịch vụ cung cấp ăn uống theo hợp đồng* | 5610 |
| Điều hành tua du lịch  *Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch* | 7912 |
| Hoạt động vui chơi giải trí chưa được phân vào đâu  *Chi tiết: Kinh doanh bãi tắm, vũ trường, karaoke (không hoạt động tại TPHCM), hoạt động bơi lội, thể thao dưới nước, đua thuyền, dịch vụ du thuyền, thể thao trên không, nhảy dù, hoạt động của các câu lạc bộ thể dụng thể hình, nhịp điệu.* | 9329 |
| Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. | 6820 |
| Cắt tóc, làm đầu, gội đầu. | 9631 |
| Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở). | 1104 |
| Trồng rừng và chăm sóc rừng (không hoạt động tại trụ sở). | 0210 |
| Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy. | 4542 |
| Xây dựng nhà các loại  *Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật, giao thông.* | 4100 |
| Hoạt động tư vấn quản lý  *Chi tiết: Tư vấn đấu thầu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).* | 7020 |
| Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải  *Chi tiết: Môi giới hàng hải. Dịch vụ làm thủ tục hải quan. Dịch vụ kiểm tra an toàn phương tiện vận tải. Kéo xe bị hỏng. Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp, đóng gói hàng hóa. Đại lý vé máy bay. Kinh doanh khai thác bến cảng. Khai thác dịch vụ kỹ thuật, thương mại hàng không, lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành hàng không (trừ kinh doanh cảng hàng không, cung cấp dịch vụ hàng không, kinh doanh vận chuyển hàng không và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)* | 5229 |
| Vận tải đường ống (không hoạt động tại trụ sở) | 4940 |

### Cơ cấu tổ chức của Công ty

### Sơ đồ tổ chức của Công ty

*Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức của Công ty*

**GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**PHÒNG**

**KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ**

**CHỦ TỊCH CÔNG TY**

**KIỂM SOÁT VIÊN**

**TT THƯƠNG MẠI SASCO TSN**

**TT TƯ VẤN ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG SASCO**

**CHI NHÁNH SASCO TẠI PHÚ QUỐC**

**CHI NHÁNH SASCO TẠI HÀ NỘI**

**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

**PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ**

**TOÁN**

**VĂN**

**PHÒNG**

**ĐẢNG**

**ĐOÀN THỂ**

**PHÒNG TIÊU CHUẨN**

**CHẤT**

**LƯỢNG**

**PHÒNG TỔ CHỨC NHÂN**

**SỰ**

**PHÒNG CÔNG**

**NGHỆ THÔNG**

**TIN**

**CHỦ SỞ HỮU**

TỔNG CTY CẢNG HKVN

*Nguồn: Công ty*

### Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty

Công ty có cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành gồm: Chủ tịch công ty,Giámđốc, Kiểm soát viên, 02 Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, 06 phòng chức năng, 03 đơn vị trực thuộc, 02 chi nhánh tại Phú Quốc và Hà Nội.

**Chủ tịch Công ty**

Do Chủ sở hữu là Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam quyết định bổ nhiệm. Chủ tịch Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất.

Chủ tịch Công ty là đại diện trực tiếp của Chủ sở hữu tại Công ty, tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu giao và các quy định của pháp luật; có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu Công ty về mọi hoạt động của Công ty.

**Kiểm soát viên**

Do Chủ sở hữu là Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam quyết định bổ nhiệm.

Kiểm soát viên phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty

**Giám đốc**

Giám đốc Công ty do Chủ sở hữu là Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam bổ nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Công ty.

Giám đốc Công ty là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định và phân cấp của Chủ tịch Công ty phù hợp với Điều lệ của Công ty.

Giám đốc chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Công ty, Chủ sở hữu Công ty và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

**Phó Giám đốc**

Do Chủ tịch công ty bổ nhiệm miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng có thời hạn, chấm dứt hợp đồng theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

Hiện nay, Công ty có 02 Phó Giám đốc

**Kế toán trưởng**

Do Chủ tịch công ty bổ nhiệm miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng có thời hạn, chấm dứt hợp đồng theo đề nghị của Giám đốc Công ty

Kế toán trưởng giúp Giám đốc tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Công ty theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

**Bộ máy giúp việc**

Công ty có 6 phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch, Ban Giám đốc Công ty trong quản lý, điều hành công việc, gồm:

**Văn phòng Công ty:**Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch, Ban Giám đốc Công ty trong công tác: pháp lý; hành chính, đối ngoại của Công ty; xử lý, truyền đạt thông tin phục vụ cho công tác quản lý điều hành họat động Công ty; quản lý cơ sở vật chất, kỹ thuật, an toàn, an ninh, vệ sinh của tòa nhà điều hành.

**Văn phòng Đảng Đoàn thể**: Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy, Chủ tịch, Ban Giám đốc Công ty trong công tác Đảng; công tác Công đoàn, Đoàn Thanh niên, công tác Thi đua -khen thưởng; Xã hội - từ thiện.

**Phòng Tài chính Kế Toán**: Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch, Ban Giám đốc Công ty trong công tác: tài chính, kế toán; thống kê; kế hoạch.

**Phòng Tiêu chuẩn Chất lượng:**Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch, Ban Giám đốc Công ty trong công tác: Nghiên cứu, xây dựng các tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng cho các sản phẩm, dịch vụ, xây dựng quy trình sản xuất của công ty phù hợp với các quy chuẩn của Nhà nước; Kiểm tra, đánh giá đạt chuẩn cho các sản phẩm, dịch vụ, quy trình sản xuất của các đơn vị, bộ phận trực thuộc Công ty.

**Phòng Công nghệ thông tin:**Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch, Ban Giám đốc Công ty trong lĩnh vực công nghệ thông tin, tổ chức thiết kế, xây dựng các chương trình phần mềm ứng dụng; tổ chức quản lý, vận hành hệ thống mạng máy tính; tổ chức quản lý, vận hành hệ thống thông tin liên lạc của Công ty.

**Phòng Tổ chức Nhân sự**: Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch, Ban Giám đốc Công ty về công tác tổ chức, quản lý cán bộ, lao động; công tác tiền lương, thực hiện chính sách chế độ cho người lao động; công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, công tác truyền thông nội bộ.

**Trung tâm Tư vấn Đầu tư – Xây dựng**

Tổ chức quản lý, triển khai thực hiệncác dự án của Công ty

Tổ chức tư vấn, kinh doanh các lĩnh vực bất động sản, xây dựng và các lĩnh vực có liên quan;Tư vấn đầu tư – xây dựng.

**Phòng Kinh doanh hàng Miễn thuế:**

Là đơn vị bán hàng miễn thuế tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất ; Thực hiện xuất nhập khẩu hàng hóa miễn thuế phục vụ hoạt động kinh doanh của đơn vị; Tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch, Ban Giám đốc Công ty trong công tác tổ chức quản lý hàng hóa, hoạch định chiến lược kinh doanh – tiếp thị, thực hiện chức năng tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế theo phân cấp

**Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất**

Là đơn vị kinh doanh hạch toán phụ thuộc trực thuộc Sasco, có chức năng tổ chức kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

* Hoạt động mua, bán: hàng bách hóa, mỹ nghệ, vàng bạc đá quý, Bán vé máy bay, Kinh doanh xăng dầu, xuất nhập khẩu;
* Hoạt động dịch vụ: ăn uống, giải khát, phòng khách hạng C, thu đổi ngoại tệ, (foot – massage); vận chuyển khách trong và ngoài sân bay, giao nhận hàng hóa, du lịch, trợ giúp hành khách; dịch vụ sân bay;
* Hoạt động sản xuất: Sản xuất và kinh doanh nước mắm.

**Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Phú Quốc.**

* Địa chỉ: 379 Nguyễn Trung Trực, KP.5, TT.Dương Đông, H.Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
* Mã số chi nhánh: 0301123125-006.

**Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Hà Nội.**

* Địa chỉ: 74 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội
* Mã số chi nhánh: 0301123125-008

### Tổ chức chính trị và chính trị - xã hội

Tổ chức chính trị và chính trị - xã hội của Công ty bao gồm:

* Đảng Bộ cơ sở Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất;
* Công đoàn cơ sở Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất;
* Đoàn cơ sở Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất.

### Các đơn vị Sasco đầu tư vốn

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31/12/2013, Công ty đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các doanh nghiệp khác như sau:

*Bảng 1: Các đơn vị Sasco đầu tư vốn:*

| **Stt** | **Tên đơn vị** | **Tỷ lệ góp vốn** |
| --- | --- | --- |
| **I** | **Công ty con** |  |
| 1 | Công ty cổ phần Xăng dầu Tân Sơn Nhất (TAPETCO) | 65% |
| **II** | **Công ty liên doanh, liên kết** |  |
| 1 | Công ty cổ phần Sài gòn Sân bay | 28,51% |
| 2 | Công ty TNHH Phú Quốc – Sasco | 50% |
| 3 | Công ty cổ phần phát triển Vườn Xanh | 25,75% |
| 4 | Công ty cổ phần Nhà Việt (Viethaus) | 29% |
| **III** | **Đầu tư tài chính dài hạn** |  |
| 1 | Công ty cổ phần Suất ăn Nội Bài | 10% |
| 2 | Công ty cổ phần Dịch Vụ Hàng Không Sân bay Nội Bài(NASCO) | 4.44% |
| 3 | Công tycổ phần Dịch Vụ Hàng Không Đà Nẵng (MASCO) | 9,85% |
| 4 | Công ty cổ phần Công trình Hàng Không | 18,85% |
| 5 | Công ty Hàng hóa TSN (TCS) | 15% |
| 6 | Ngân hàng TMCP Đông Á | 0.68% |
| 7 | Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Phú Quốc | 10% |
| 8 | Công ty cổ phần Dược Cần Giờ | 0,48% |
| 9 | Công ty cổ phần Du lịch Thung lũng Tình yêu | 7.2% |
| 10 | Công ty cổ phần Địa ốc Thảo Điền | 6,65% |
| 11 | Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp | 1,65% |
| 12 | Công ty Thương mại SABECO | 0,08% |
| *Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Sasco* | | |

### Danh sách những công ty mẹ và công ty con

* Công ty mẹ: Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.
* Công ty con: như mục 5.4

### Thực trạng về lao động và kế hoạch sắp xếp lao động

* 1. **Thực trạng về lao động**

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, Sasco xác định yếu tố con người là một trong những yếu tố then chốt góp phần vào sự thành công của Công ty. Công ty luôn quan tâm đến nguồn nhân lực cũng như chính sách phát triển nguồn nhân lực.Thống kê tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty qua các năm như sau:

*Bảng 2:Thực trạng về lao động trong 3 năm qua* *Đơn vị tính: Người*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **Năm 2011** | **Năm 2012** | **Năm 2013** |
| **1** | **Tổng số người lao động** | **1.453** | **1.507** | **1.655** |
| 1.1 | Lao động gián tiếp | 308 | 306 | 292 |
| 1.2 | Lao động trực tiếp | 1.145 | 1.201 | 1.363 |
| **2** | **Phân theo giới tính** | **1.453** | **1.507** | **1.655** |
| 2.1 | Nam | 693 | 748 | 857 |
| 2.2 | Nữ | 760 | 759 | 798 |
| **3** | **Phân theo trình độ** | **1.453** | **1.507** | **1.655** |
| 3.1 | Trên đại học | 9 | 10 | 9 |
| 3.2 | Đại học | 322 | 329 | 361 |
| 3.3 | Cao đẳng, trung cấp | 207 | 227 | 252 |
| 3.4 | Nhân viên nghiệp vụ, sản xuất | 915 | 941 | 1.033 |
| **4** | **Phân theo hợp đồng** | **1.448** | **1.502** | **1.650** |
| 4.1 | Hợp đồng không thời hạn | 522 | 504 | 478 |
| 4.2 | Hợp đồng xác định từ 1 – 3 năm | 814 | 895 | 894 |
|  | Hợp đồng dưới 12 tháng | 112 | 103 | 278 |
| *Nguồn: Phương án cổ phần hóa Sasc*o | | | | |

* **Đánh giá chung**

Nhìn chung đội ngũ cán bộ, lao động gián tiếp của Công ty có nhiều kinh nghiệm và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được đào tạo cơ bản ở các trường trong và ngoài nước. Có khả năng tiếp thu công nghệ tiên tiến trên thế giới, đáp ứng được yêu cầu của sản xuất kinh doanh, thích nghi, nắm bắt và đáp ứng kịp sự phát triển của cơ chế thị trường trong nước cũng như trong một số lĩnh vực khác đối với thị trường quốc tế.

Lực lượng lao động trực tiếp là lao động trẻ, năng động nhiệt huyết với công việc và có trình độ chuyên môn ngoại ngữ tốt.

* **Chính sách nhân sự**

Công ty luôn chú trọng tập trung cải thiện điều kiện làm việc, chế độ, chính sách, thu nhập cho người lao động cho người lao động. Côngtyxây dựng và áp dụng chính sách tiền lương, tiền thưởng gắn với kết quả hoạt động của đơn vị, bộ phận công tác và cá nhân người lao động nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, cải tiến chất lượng công việc. Công ty thực hiện tốt các chế độ cho người lao động như thực hiện khám sức khỏe định kỳ, tổ chức nghỉ mát, tăng thêm số ngày nghỉ việc riêng có hưởng lương, mua bảo hiểm tai nạn 24/24, hỗ trợ tiền lương khi người lao động nghỉ ốm đau, nghỉ thai sản,… tặng sổ tiết kiệm cho người lao động nghỉ hưu, chính sách cho vay/hỗ trợ người lao động gặp khó khăn…

Việc tạo nguồn cán bộ và phát hiện nguồn nhân tàiđã được Công ty đặc biệt chú ý. Đối với nguồn cán bộ kế cận Công ty tạo điều kiện để được tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng quản lý lãnh đạo, tiếp cận môi trường kinh doanh thực tế trong và ngoài nước.Mặt khác, hàng năm Công ty đều tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng tay nghề cho cán bộ nhân viên theo nhiều hình thức đào tạo và tiết kiệm. Trong giai đoạn 2011-2013, Công ty đã tổ chức 571 khóa đào tạo, bố trí 14.662 lượt cán bộ công nhân viên được đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ với tổng chi phí đào tạo 2.191.914.000 đồng.

* 1. **Kế hoạch sắp xếp lao động**

*Bảng 3: Kế hoạch sắp xếp lao động* *Đơn vị tính: Người*

| **Stt** | **Đơn vị** | **Lao động có tại thời điểm 27/03/2014** | **Lao động không có nhu cầu sử dụng** | **Lao động cần sử dụng chuyển sang CTCP** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Ban quản lý điều hành công ty | 05 |  | 05 |
| 2 | Phòng Tổ chức Nhân sự | 20 |  | 20 |
| 3 | Phòng Tài chính Kế toán | 21 | 01 | 20 |
| 4 | Phòng Công nghệ Thông tin | 15 |  | 15 |
| 5 | Phòng Tiêu chuẩn Chất lượng | 05 |  | 05 |
| 6 | Văn phòng Công ty | 29 | 01 | 28 |
| 7 | Văn phòng Đảng đoàn thể | 08 |  | 08 |
| 8 | Phòng Kinh doanh Quảng cáo | 03 |  | 03 |
| 9 | Phòng Kinh doanh hàng Miễn thuế | 293 |  | 293 |
| 10 | TT Tư vấn đầu tư và Xây dựng | 19 |  | 19 |
| 11 | TT Thương mại Sasco Tân Sơn Nhất | 694 | 08 | 686 |
| 12 | Chi nhánh Hà nội | 06 |  | 06 |
| 13 | Chi nhánh Phú quốc | 478 |  | 478 |
|  | **Tổng cộng** | **1.596** | **10** | **1.586** |
| *Nguồn: Phương án cổ phần hóa Sasco* | | | | |

## GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HÓA

### Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013

Theo Quyết định 917/QĐ-BGTVT ngày 27/03/2014 của Bộ Giao thông vận tải“*về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất thuộc Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam”*tại thời điểm 31/12/2013 được xác địnhtheo phương pháp tài sản như sau:

* Giá trị thực tế của doanh nghiệp là: **1.989.664.645.727** đồng (Một nghìn chín trăm tám mươi chín tỷ, sáu trăm sáu mươi bốn triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn, bảy trăm hai mươi bảy đồng).
* Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là: 1**.313.271.893.589** đồng (Một nghìn ba trăm mười ba tỷ, hai trăm bảy mốt triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm tám chín đồng).

*Bảng 4: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của Sasco tại thời điểm 31/12/2013:*

*Đơn vị tính: đồng*

| **Chỉ tiêu** | **Số liệu sổ sách** | **Số liệu sau xử lý tài chính** | **Số liệu  xác định lại** | **Chênh lệch** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)=(4)-(3)* |
| **A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)** | **1.563.393.073.479** | **1.878.744.874.942** | **1.989.664.645.727** | **110.919.770.785** |
| **I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn** | **585.834.554.060** | **834.209.687.365** | **929.972.717.603** | **95.763.030.238** |
| 1. Tài sản cố định | 169.882.787.329 | 169.882.787.329 | 247.967.505.633 | 78.084.718.304 |
| a. Tài sản cố định hữu hình | 169.852.823.805 | 169.852.823.805 | 247.937.542.109 | 78.084.718.304 |
| b. Tài sản cố định vô hình (chưa bao gồm tiền sử dụng đất) | 29.963.524 | 29.963.524 | 29.963.524 | - |
| c. Tài sản cố định thuê tài chính | - | - |  | **-** |
| 2. Bất động sản đầu tư | 20.278.863.188 | 20.278.863.188 | 22.881.939.502 | 2.603.076.314 |
| 3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 279.708.111.720 | 296.517.420.867 | 311.592.656.487 | 15.075.235.620 |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 19.420.823.226 | 19.420.823.226 | 19.420.823.226 | **-** |
| 5. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn | 88.511.243.143 | 24.729.844.970 | 24.729.844.970 | **-** |
| 6. Chi phí trả trước dài hạn (chưa gồm GT lợi thế KD) | 8.032.725.454 | 8.032.725.454 | 8.032.725.454 | **-** |
| 7. Các khoản phải thu dài hạn | - | 295.347.222.331 | 295.347.222.331 | **-** |
| **II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn** | **956.612.440.629** | **1.023.589.108.787** | **990.083.208.655** | **(33.505.900.132)** |
| 1. Tiền | 466.595.788.342 | 466.595.788.342 | 466.595.788.342 | - |
| + Tiền mặt tồn quỹ | 6.459.468.365 | 6.459.468.365 | 6.459.468.365 | - |
| + Tiền gửi ngân hàng | 131.644.312.562 | 131.644.312.562 | 131.644.312.562 | - |
| + Tiền đang chuyển | 952.766.943 | 952.766.943 | 952.766.943 | - |
| + Tiền gửi Ngân hàng (dưới 3 tháng) | 327.539.240.472 | 327.539.240.472 | 327.539.240.472 | - |
| 2. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 106.851.577.500 | 142.703.950.000 | 106.851.577.500 | **(35.852.372.500)** |
| 3. Các khoản phải thu | 131.603.821.186 | 160.640.193.808 | 160.640.193.808 | **-** |
| 4. Vật tư hàng hoá tồn kho | 238.930.653.706 | 241.018.576.742 | 238.930.653.706 | **(2.087.923.036)** |
| 5. Tài sản lưu động khác | 12.630.599.895 | 12.630.599.895 | 17.064.995.299 | 4.434.395.404 |
| *+ Tạm ứng* | *895.082.117* | *895.082.117* | *895.082.117* | ***-*** |
| *+ Ký quỹ, ký cược ngắn hạn* | *2.081.515.182* | *2.081.515.182* | *2.081.515.182* | ***-*** |
| *+ Thuế và các khoản phải thu Nhà nước* | *231.995.955* | *231.995.955* | *231.995.955* | ***-*** |
| *+ Chi phí trả trước* | *6.962.142.876* | *6.962.142.876* | *6.962.142.876* | ***-*** |
| *+ CCDC đã phân bổ 100% giá trị* | *-* | *-* | *4.434.395.404* | *4.434.395.404* |
| *+ Thuế GTGT được khấu trừ* | *2.459.863.765* | *2.459.863.765* | *2.459.863.765* | ***-*** |
| 6. Chi phí sự nghiệp |  |  |  | **-** |
| **III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN** | **-** |  | **38.750.561.695** | **38.750.561.695** |
| **IV. Giá trị quyền sử dụng đất** | **20.946.078.790** | **20.946.078.790** | **30.858.157.775** | **9.912.078.985** |
| **B. Tài sản không cần dùng** | **-** |  | **-** | **-** |
| **I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn** | **-** |  | **-** | **-** |
| 1. Tài sản cố định | - |  | - | **-** |
| 2. Đầu tư tài chính dài hạn | - |  |  | **-** |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | - |  |  | **-** |
| 4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn | - |  |  | **-** |
| **II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn** | **-** |  | **-** | **-** |
| 1. Công nợ không có khả năng thu hồi | - |  | - | **-** |
| 2. Hàng hoá tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất | - |  | - | **-** |
| 3. Hoàn nhập khoản dự phòng phải thu | - |  | - | **-** |
| **C. Tài sản chờ thanh lý** | **-** |  | **-** | **-** |
| 1. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn | - |  | - | **-** |
| 2. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn | - | - | - | **-** |
| **D. Tài sản hình thành từ quỹ PL, khen thưởng** | **-** |  |  | **-** |
| **TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+ B+ C+ D)** | **1.563.393.073.479** | **1.878.744.874.942** | **1.989.664.645.727** | **110.919.770.785** |
| **Trong đó:** |  |  |  | **-** |
| **TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)** | **1.563.393.073.479** | **1.878.744.874.942** | **1.989.664.645.727** | **110.919.770.785** |
| **E1. Nợ thực tế phải trả** | **651.738.378.695** | **676.392.752.138** | **676.392.752.138** | **-** |
| **E2. Nguồn kinh phí sựnghiệp** |  |  |  |  |
| **TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP**  **{A-(E1+E2+E3)}** | **911.654.694.784** | **1.202.352.122.804** | **1.313.271.893.589** | **110.919.770.785** |

*(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Sasco tại thời điểm ngày 31/12/2013)*

### Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

# Thực trạng về TSCÐ

Tình hình TSCĐ của Công tytheo giá trị sổ sách và đánh giá lại tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

***Bảng 5: Tình hình tài sản tại 31/12/2013 của Công ty*** *Đơn vị tính: đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại tài sản** | **Giá trị sổ sách** | | **Giá trị đánh giá lại** | | **Chênh lệch** | |
| **Nguyên giá** | **Giá trị còn lại** | **Nguyên giá** | **Giá trị còn lại** | **Nguyên giá** | **Giá trị còn lại** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7=5-3* | *8=6-4* |
| **A** | **TSCĐ đang dùng** | **493.399.364.712** | **211.107.729.307** | **543.820.806.134** | **301.707.602.909** | **50.421.441.422** | **90.599.873.602** |
| **I** | **TSCĐ hữu hình** | **443.871.594.739** | **169.852.823.805** | **479.349.533.200** | **247.937.542.109** | **35.477.938.461** | **78.084.718.304** |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 41.012.023.783 | 15.540.716.829 | 76.489.962.244 | 45.179.877.305 | 35.477.938.461 | 29.639.160.476 |
| 2 | Máy móc, thiết bị | 24.106.015.311 | 3.077.843.427 | 24.106.015.311 | 7.580.546.033 | 0 | 4.502.702.606 |
| 3 | Phương tiện vận tải | 319.373.501.914 | 147.380.518.715 | 319.373.501.914 | 180.787.403.477 | 0 | 33.406.884.762 |
| 4 | TSCĐ khác | 54.882.732.258 | 3.218.676.351 | 54.882.732.258 | 12.991.804.712 | 0 | 9.773.128.361 |
| 5 | Thiết bị, dụng cụ quản lý | 4.497.321.473 | 635.068.483 | 4.497.321.473 | 1.397.910.582 | 0 | 762.842.099 |
| **II** | **TSCĐ vô hình** | **24.551.532.373** | **20.976.042.314** | **36.403.102.398** | **30.888.121.299** | **11.851.570.025** | **9.912.078.985** |
| **III** | **Bất động sản đầu tư** | **24.976.237.600** | **20.278.863.188** | **28.068.170.536** | **22.881.939.502** | **3.091.932.936** | **2.603.076.314** |
| **B** | **TSCĐ không cần dùng** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| **C** | **TSCĐ chờ thanh lý** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| **D** | **TSCĐ hình thành từ QKT, QPL** |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** | **493.399.364.712** | **211.107.729.307** | **543.820.806.134** | **301.707.602.909** | **50.421.441.422** | **90.599.873.602** |

*Nguồn: Bảng tổng hợp tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2013 của Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Sasco*

# Thực trạng về ðất ðai ðang sử dụng

Công ty đang quản lý và sử dụng tổng diện tích đất 1.493.080,60 m2 tập trung tại các địa bàn Tp.Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đà Lạt, Phú Quốc…, cụ thể như sau:

*Bảng 6: Danh sách đất đai Công ty đang quản lý và sử dụng*

| **Stt** | **Địa chỉ** | **Diện tích (m2)** | **Hiện trạng sử dụng** |
| --- | --- | --- | --- |
|
| **I** | **Đất nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm** | **1.333.415,6** |  |
| 1 | Khu đất Nhà điều hành Công ty Sasco  Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, P.2, Q.Tân Bình, TP.HCM. | 22.115,6 | Đang sử dụng làm Nhà điều hành công ty |
| 2 | Khu đất Suối Hoa - Đà lạt  Địa chỉ: khoảnh 306, 308 tiểu khu 147, P.7, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | 1.311.300 | Đang triển khai dự án án Khu nghỉ dưỡng sinh thái |
| **II** | **Đất nằm trong quy hoạch chờ giải toả** | **35.067,8** |  |
| 1 | Khu đất Ấp Đường Bào, X.Dương Tơ, H.Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (Thửa số 112, tờ bản đồ số 1). | 9.900 | Quyết định 5782/QĐ-UBND huyện Phú Quốc ngày 10/11/2011 |
| 2 | Khu đất Ấp Đường Bào, X.Dương Tơ, H.Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (Thửa số 120, tờ bản đồ số 1) | 15.000 | Quyết định 3201/QĐ-UBND huyện Phú Quốc ngày 21/06/13 |
| 3 | Khu đất Ấp Đường Bào, X.Dương Tơ, H.Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (Thửa số 109, tờ bản đồ số 1) | 7.200 | Quyết định 5776/QĐ-UBND huyện Phú Quốc ngày 10/11/11. |
| 4 | Khu đất Ấp Đường Bào, X.Dương Tơ, H.Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (Thửa số 53d, tờ bản đồ số 3) | 2.967,8 | Quyết định 2323/QĐ-UBND huyện Phú Quốc ngày 08/08/08. |
| **III** | **Đất nhà nước giao** | - | - |
| **IV** | **Đất khác** | **124.597,2** |  |
| **1** | **Đất đang làm thủ tục dự án** | **17.676** |  |
| 1.1 | Khu đất 108, 112B và 114 Hồng Hà (đã hoàn tất thủ tục 09).  Địa chỉ: 108, 112B, 114 Hồng Hà, P.2, Q.Tân Bình. | 17.676 | Đang làm thủ tục lập dự án.  Đang sử dụng tạm làm hồ bơi, câu lạc bộ thể thao; Nhà kho, bếp, Xưởng sửa chữa ô tô. |
| **2** | **Đất nhận chuyển nhượng** | **106.921,2** |  |
| 2.1 | Khu đất Hóc Môn  Địa chỉ: Xã Xuân Thới Sơn, H.Hóc Môn, TP.HCM | 10.316 | Lập vườn ươm, trồng cây cảnh; Xây dựng khu biệt thự nhà vườn. |
| 2.2 | Khu đất An Bình – Bình Dương  Địa chỉ: Xã An Bình, Huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương | 28.909,3 | Đang làm xưởng nước mắm; nhà hàng, sân thể thao |
| 2.3 | Khu đất khu phố 1 TT.Dương Đông, H.Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang | 2.200 | Đang triển khai dự án xây dựng cây xăng |
| 2.4 | Khu đất đất Ấp Rạch Hàm, xã Hàm Ninh, H. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang | 9.973 | Xây dựng trang trại trồng trọt chăn nuôi |
| 2.5 | Khu đất Ấp Bến Tràm, Khu Phố 1, TT.Dương Đông, H.Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. | 3.000 | Vườn cây, trang trại |
| 2.6 | Khu đất Ấp Bến Tràm, xã Cửa Dương, H.Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang | 30.129,3 | Vườn cây, trang trại |
| 2.7 | Khu đất Khu phố 5, TT.Dương Đông, H.Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang | 1.475,8 | Vườn cây, trang trại |
| 2.8 | Khu đất Khu phố 5, TT.Dương Đông, H.Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang | 4.430,4 | Văn phòng Chi nhánh Công ty tại Phú Quốc. Xưởng sửa chữa ô tô Chi nhánh Công ty tại Phú Quốc. |
| 2.9 | Khu đất Đường Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang | 4.799 |
| 2.10 | Khu đất Đường Nguyễn Chí Thanh, Khu phố 5, TT.Dương Đông, H.Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang | 4.758 | Vườn cây, trang trại |
| 2.11 | Khu đất Ấp Bến Tràm, xã Cửa Dương, H. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang | 6.930,4 | Vườn cây, trang trại |
|  | **Tổng cộng** | **1.493.080,6** |  |

*Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Sasco*

## PHẦN III

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

### Tình hình hoạt động kinh doanh

* 1. Sản phẩm của Công ty:

Là đơn vị kinh doanh dịch vụ hàng không chủ lực tại Sân bay lớn nhất nước, Sasco luôn khẳng định vị thế của doanh nghiệp dẫn đầu có tiềm lực vững mạnh, tăng trưởng ổn định và bền vững với các loại hình kinh doanh truyền thống tại sân bay Tân Sơn Nhất.

* **Hệ thống cửa hàng miễn thuế:**

Sasco Duty Free là một thương hiệu nhánh trực thuộc Công ty Sasco với chức năng chính là tổ chức kinh doanh hàng Miễn thuế tại sân bay Tân Sơn Nhất. Bằng việc hợp tác cùng tập đoàn cung cấp hàng miễn thế hàng đầu thế giới, Sasco Duty Free đã nâng tổng số sản phẩm kinh doanh lên khoảng 12.000 sản phẩm đến từ các thương hiệu cao cấp. Một số ngành hàng kinh doanh miễn thuế tiêu biểu như: rượu, thuốc lá, thực phẩm, hàng thời trang, mỹ phẩm, nước hoa..

* **Hệ thống cửa hàng bách hóa mỹ nghệ**:

Kinh doanh hơn 10.000 mặt hàng lưu niệm chất lượng cao đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, gồm các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, thổ cẩm, sơn mài, các loại mỹ phẩm, hàng da, giả da, hàng gốm sứ, hàng bạc, hàng điêu khắc, các loại thực phẩm, trái cây, đặc sản, hải sản phong phú, đa dạng, đặc trưng của từng vùng miền Việt Nam... tại nhà ga quốc nội và quốc tế Sân bay Tân Sơn Nhất

* **Hệ thống các nhà hàng, quầy bar**:

Chuỗi hệ thống nhà hàng, cửa hàng ăn uống tại khu công cộng và khu cách ly của ga Quốc Nội và Quốc tế và các nhà hàng hợp tác kinh doanh được nhượng quyền thương hiệu quốc tế như Café Espressamente Illy, Burger King, Star cafe, Fin bar.

* **Hệ thống phòng khách hạng thương gia:**

Hệ thống phòng khách hạng thương gia tại ga đi quốc nội và quốc tế phục vụ hành khách hạng thương gia, hành khách bay thường xuyên của Vietnam Airlines và 43 các hãng hàng không quốc tế khác

Tại ga đi quốc nội: 03 phòng khách

Tại ga đi quốc tế: 06 phòng khách ( trong đó có 02 phòng khách khai thác không thường xuyên)

* **Dịch vụ thư giãn VietSpa**:

Đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, thư giãn trong thời gian chờ bay, Công ty cung cấp gói giải pháp massage Vietspa tại khu vực cách ly chờ Ga đi Quốc nội và Ga đi Quốc tế - Sân bay Tân Sơn Nhất. Với thiết kế thẩm mỹ, sang trọng, không gian ấm cúng, thư giãn, hệ thống Vietspa Tân Sơn Nhất được xem là một nơi hữu hiệu nhằm giảm mệt mỏi, lo âu, tăng cường sức khỏe chuẩn bị cho những chuyến bay dài.

* **Dịch vụ xe**:

Cho thuê các dòng xe trung và cao cấp tại thị trường Việt Nam cho hành khách đi và đến Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, các khách hàng là khách sạn trong thành phố, phục vụ hội nghị

* **Dịch vụ du lịch:**

Trung tâm Du lịch Sasco Travel cung cấp các dịch vụ du lịch lữ hành, dịch vụ trợ giúp hành khách đặt phòng khách sạn, dịch vụ bán vé máy bay tại Sân bay Tân Sơn Nhất,

Nhằm tạo thế cân bằng để đưa doanh nghiệp phát triển bền vững, Sasco tích cực đa phương hóa hoạt động, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, mở rộng ra ngoài thị trường sân bay bao gồm:

* **Khu nghỉ dưỡng Sasco Blue Lagoon Phú Quốc**:

Tọa lạc ngay trung tâm thị trấn Dương Đông với đường bờ biển dài hơn 100m và bể bơi sang trọng, hiện đại có diện tích 300m2. Sasco Blue Lagoon bao gồm một tòa nhà chính 04 tầng, 9 bungalow và 10 chalet cung cấp tổng cộng 80 phòng với 7 hạng phòng. Năm 2013, Khu nghỉ dưỡng Sasco Blue Lagoon đã được Tổng cục du lịch công nhận đạt tiêu chuẩn 4 sao.

* **Kinh doanh quảng cáo trong nhà và ngoài trời tại Sân bay**:

BOOMSpace Airport hoạt động trong lĩnh vực quảng cáo ngoài trời và tại các sân bay với nhiều gói sản phẩm dịch vụ đa dạng giúp khách hàng có thể chọn lựa kênh quảng bá phù hợp và hiệu quả cho từng mục tiêu truyền thông.

* **Kinh doanh trang trại:**trồng cây cao su tại Bình Phước.
* **Kinh doanh các dự án bất động sản**:

Sasco hiện đang từng bước triển khai các thủ tục đầu tư các dự án kinh doanh du lịch và bất động sản tại các tỉnh, thành phố như Tp.Hồ Chí Minh, Phú Quốc, Cam Ranh, Đà Lạt.

* **Nước mắm Sasco Phú Quốc**:

Có mặt trên thị trường Việt Nam trong nhiều năm qua, được sản xuất theo phương pháp cổ truyền với nguyên liệu sử dụng chỉ gồm cá cơm tươi và muối, không sử dụng cá biển tạp và các hóa chất trong quá trình chế biến, nước mắm Sasco Phú Quốc cho hương vị đặc trưng của nước mắm cá cơm Phú Quốc, vị ngọt cùng mùi thơm hấp dẫn và màu cánh gián giúp cho món ăn thêm thơm ngon, đậm đà. Điểm độc đáo của nước mắm Sasco Phú Quốc chính là độ đạm lên đến 400, giúp cho nước mắm không chỉ thơm ngon và còn đảm bảo hàm lượng dinh dưỡng cao.

* **Hợp tác đa phương:**

Với chiến lược “Hợp tác đa phương - Phát triển bền vững”, lĩnh vực đầu tư tài chính và góp vốn liên doanh là hoạt động được Sasco ưu tiên nhằm phát huy lợi thế so sánh, cơ hội hợp tác kinh doanh, mở rộng thị trường, đẩy mạnh doanh thu và lợi nhuận qua đó đảm bảo phát triển bền vững.

Các dịch vụ tổng hợp khác: Ngoài những loại hình kinh doanh trên, Sasco còn kinh doanh nhiều loại hình dịch vụ tổng hợp khác: Kinh doanh môi giới Bất động sản; Đại lý thu đổi ngoại tệ.

* 1. Tình hình hoạt động kinh doanh

*Bảng 7: Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp của Công t*y *Đơn vị tính: đồng*

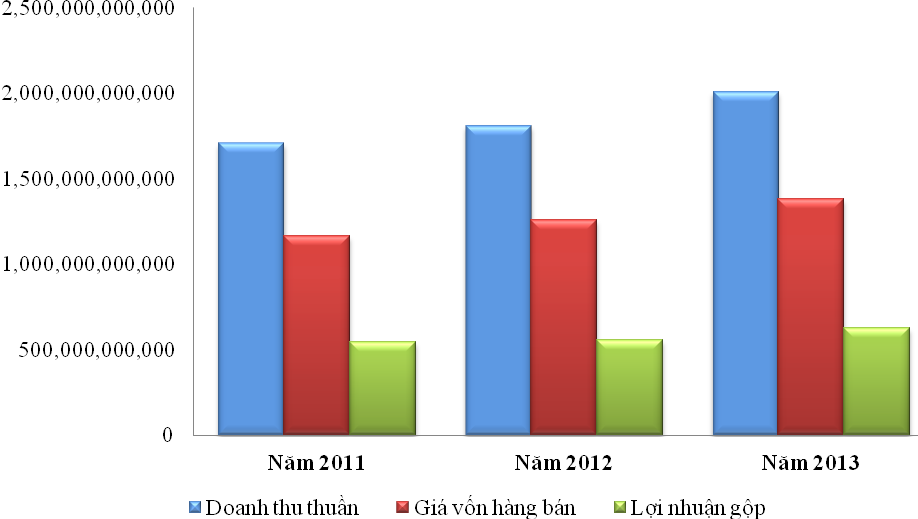
|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Khoản mục** | **Năm 2011** | **Năm 2012** | **Năm 2013** |
| Doanh thu thuần | 1.708.060.324.520 | 1.809.667.471.880 | 2.008.380.805.436 |
| Giá vốn hàng bán | 1.163.675.414.872 | 1.255.046.894.534 | 1.381.161.132.279 |
| Lợi nhuận gộp | 544.384.909.648 | 554.620.577.346 | 627.219.673.157 |
| Lợi nhuận trước thuế | 90.665.205.558 | 109.626.562.332 | 122.518.785.167 |
| Lợi nhuận sau thuế | 86.628.794.947 | 98.919.963.133 | 92.359.894.535 |
| Biên lợi nhuận gộp | 31,87% | 30,65% | 31,23% |
| ROE | 11,45% | 10,98% | 10,13% |
| ROA | 5,83% | 6,30% | 5,91% |
| ROS | 5,07% | 5,47% | 4,60% |
| *Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán của Sasco các năm 2011 – 2013, VCBS tính toán* | | | |

Tổng quan, doanh thu và lợi nhuận của Công ty tăng đều qua các năm. Cụ thể, doanh thu thuần tăng 5,94% trong năm 2012 và tăng 10,98% trong năm 2013 tương ứng lần lượt đạt hơn 1.255,05 tỷ đồng và 1.381,16 tỷ đồng. Chi phí giá vốn chiếm tỷ trọng tương đối cao trên doanh thu giai đoạn 2011 – 2013,giá vốn tăng nhẹ nhưng không quá cao theo mức tăng của doanh thu, lần lượt tăng 7,85% và 10,05% cho các năm 2012 và 2013. Theo mức tăng như trên của doanh thu và giá vốn, lợi nhuận gộp cũng tương ứng tăng nhẹ 1,88% cho năm 2012 và tăng khá 13,08% trong năm 2013.

Biên lợi nhuận gộp giai đoạn năm 2011 – 2013 ở mức tương đối ổn định, bình quân khoảng 31,25%. Các chỉ số ROE và ROA giai đoạn năm 2011 – 2013 ở mức ổn định, bình quân lần lượt là 10,85% và 6,01%.

***Biểu đồ 1: Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp của Công ty*** *Đơn vị tính: Đồng*

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán của Sasco các năm 2011 – 2013, VCBS thực hiện*



### Nguồncung ứng nguyên vật liệu/ hàng hóa

Nguyên vật liệu/hàng hóa của phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty khá ổn định, được cung ứng bởi hơn 300 nhà sản xuất, phân phối chính thức trong và ngoài nước. Đây là các đơn vị uy tín, đã làm việc với công ty trong nhiều năm, có tiềm lực và thế mạnh trong từng ngành hàng. Công ty đã xây dựng và thực hiện các chính sách, thủ tục đánh giá các nhà cung cấp thường xuyên và định kỳ trước, trong quá trình hợp tác đảm bảo sự ổn định, đa dạng, giá cả hợp lý của các mặt hàng được cung cấp và tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh.

### Cơ cấu chi phí

***Bảng 8: Cơ cấu chi phí củaCông ty***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm 2011** | | **Năm 2012** | | **Năm 2013** | |
| **Giá trị (triệu đồng)** | **Tỷ trọng** | **Giá trị (triệu đồng)** | **Tỷ trọng** | **Giá trị (triệu đồng)** | **Tỷ trọng** |
| Giá vốn hàng bán | 1.163.675 | 67,03% | 1.255.047 | 68,37% | 1.381.161 | 68,36% |
| Chi phí tài chính | 105.242 | 6,06% | -29.749 | -1,62% | 25.303 | 1,25% |
| Chi phí bán hàng | 281.563 | 16,22% | 300.876 | 16,39% | 342.667 | 16,96% |
| Chi phí QLDN | 185.124 | 10,66% | 307.929 | 16,78% | 270.338 | 13,38% |
| Chi phí khác | 434 | 0,03% | 1.509 | 0,08 | 1.085 | 0,05% |
| **Tổng chi phí** | **1.736.038** | **100,00** | **1.835.612** | **100,00** | **2.020.554** | **100,00** |
| *Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán của Sasco các năm 2011 – 2013, VCBS tính toán* | | | | | | |

Nhìn chung, tổng chi phí của Công ty tăng nhẹ qua các năm, cụ thể tăng 5,73% năm 2012 và tăng 10,07% trong năm 2013. Chi phí giá vốn chiếm tỷ trọng khá cao trong cơ cấu chi phí với tỷ trọng bình quân khoảng 67,92% giai đoạn 2011 – 2013, tiếp đến là chi phí bán hàng và chi phí quản trị với tỷ trọng bình quân ba năm 2011 – 2013 lần lượt là 16,52% và 13,60%. Chi phí tài chính và các khoản chi phí khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu chi phí. Mặc dù, tốc độ tăng chi phí của Công ty không quá cao, tuy nhiên, sự gia tăng của chi phí đã phần nào ảnh hưởng đến biên lợi nhuận. Do đó, trong thời buổi cạnh tranh, đặc biệt là khi Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần thì công tác quản trị chi phí của Công ty ngày càng cần sự chặt chẽ, cụ thể và chi tiết hơn nhằm tối đa hóa lợi nhuận.

### Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công ty thường xuyên thực hiện nghiên cứu khảo sát thị trường, tìm hiểu nhu cầu thị hiếu của khách hàng, học tập kinh nghiệm kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại các sân bay quốc tế lớn trên thế giới để phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, đa dạng hóa loại hình kinh doanh của công ty.

### Trình độ công nghệ

Là doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh cung ứng dịch vụ, hiện nay Công ty đang sở hữu hệ thống công nghệ thông tin đủ đáp ứng cho nhu cầu quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại của công ty, cụ thể như :

4.1. Về trang thiết bị phần cứng:

* Hiện nay, công ty đã trang bị hoàn chỉnh hệ thống mạng máy tính với 10 máy chủ IBM, 28 thiết bị mạng CISCO, hệ thống thiết bị sao lưu dữ liệu hiện đại bằng băng từ (tape back-up system) theo công nghệ hiện đại của IBM, thiết bị tường lửa (firewall) và gần 400 máy vi tính cho hệ thống mạng nội bộ toàn công ty.

4.2. Đầu tư bản quyền phần mềm :

- Từ năm 2005, Công ty bắt đầu đầu tư các bản quyền phần mềm ứng dụng như MS Windows Server 2003, MS SQL Server 2000, Windows XP Professional, MS Office,

- Đầu năm 2011, Đầu tư bản quyền phần mềm diệt virus Kaspersky cho toàn Công ty để bảo vệ các máy tính qua đó tăng thêm tính an toàn cho hệ thống.

4.3. Triển khai ứng dụng các chương trình phần mềm :

- Công ty tự phát triển và đưa vào sử dụng các chương trình phần mềm phục vụ cho nhu cầu quản lý và các hoạt động SXKD Công ty tự thiết kế website nội bộ của Công ty, 4.4. Ứng dụng Internet và thương mại điện tử:

- Công ty đang quản lý và sử dụng các Website như là các kênh thông tin online của Công ty dùng để quảng bá các sản phẩm dịch vụ của Công ty:

* [www.saigonairport.com](http://www.saigonairport.com)
* [www.sascotravel.com.vn](http://www.sascotravel.com.vn)
* [www.sasco-bluelagoon-resort.com](http://www.sasco-bluelagoon-resort.com)

- Riêng website [www.sasco-bluelagoon-resort.com](http://www.sasco-bluelagoon-resort.com) cho phép đặt phòng và thanh toán online.

* **Thiết bị**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị** | **Số lượng (cái/chiếc)** |
| 1 | Firewall Cyberoam | 04 |
| 2 | Switch CISCO | 28 |
| 3 | Máy chủ (Server) IBM | 08 |
| 4 | Máy vi tính (Desktop) | 397 |
| 5 | Máy tính xách tay (Laptop) | 18 |
| 6 | Máy in Laser | 120 |
| 7 | Máy in kim | 112 |
| 8 | Máy Photocopy | 26 |
|  | **Tổng cộng** | **713** |

### Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

Với tầm nhìn là phát triển bền vững, giữ vị thế là doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh và cung ứng dịch vụ phi hàng không đa dạng, chất lượng cao, đáp ứng chuẩn mực quốc tế và nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước. Ban lãnh đạo SASCO luôn chú trọng đến chất lượng sản phẩm dịch vụ để đảm bảo cung cấp sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, xây dựng thương hiệu mạnh và uy tín.

Tất cả các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ đều được kiểm soát chặt chẽ (cơ sở vật chất, trang thiết bị, hàng hóa cung ứng cho dịch vụ, nhân viên, chuẩn mực phục vụ) thông qua kế hoạch bảo dưỡng, nâng cấp cơ sơ vật chất và thiết bị phục vụ; kiểm soát chất lượng hàng hóa; giám sát chất lượng phục vụ theo từng ca; đánh giá định kỳ việc thực hiện các quy trình và chuẩn mực phục vụ; đánh giá của các tổ chức độc lập và của khách hàng; thu thập ý kiến khách hàng về chất lượng các dịch vụ; huấn luyện và đào tạo thường xuyên. Lực lượng tham gia kiểm soát chất lượng là Ban lãnh đạo Công ty SASCO, phòng Tiêu chuẩn chất lượng công ty, ban lãnh đạo đơn vị và tất cả cán bộ công nhân viên làm việc tại các phòng ban, đơn vị.

Công ty luôn phối hợp chặt chẽ với các đơn vị quản lý Cảng hàng không, sân bay, các đơn vị quản lý nhà nước, các đơn vị khách hàng, các đơn vị đánh giá độc lập khác trong việc kiểm soát chất lượng sản phẩm, dịch vụ thông qua việc đánh giá định kỳ hàng năm. Các khuyến cáo đánh giá được thực hiện đầy đủ và đúng yêu cầu trong thời gian nhanh nhất.

Từ năm 2006 đến nay, SASCO đã áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 cho các dịch vụ tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn nhất và càng ngày càng hoàn thiện theo định hướng Quản lý chất lượng toàn diện.

### Hoạt động Marketing

Công ty thường xuyên tổ chức nghiên cứu thị trường, đánh giá sự hài lòng của khách hàng làm cơ sở đểphát triển sản phẩm mới và cải tiến sản phẩm dịch vụ hiện có. Theo đó, Công ty thực hiện đầu tư, cải tạo hệ thống các địa điểm kinh doanh với cơ sở vật chất tốt và hệ thống nhận diện rõ nét, xây dựng chiến lược giá cạnh tranh, phù hợp với từng phân khúc thị trường, khách hàng. Để đối đa hóa doanh thu, Công ty tổ chức triển khai các chương trình quảng bá, khuyến mãi, chiêu thị theo chiến lược chung của các nhà cung cấp hoặc của công ty SASCO; đồng thời đào tạo huấn luyện nghiệp vụ cho nhân viên về kiến thức sản phẩm, kỹ năng bán hàng phục vụ, ngoại ngữ nhằm nâng cao hiệu quả bán hàng.

### Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty thực hiện đăng ký bảo hộ các nhãn hiệu thương mại sau:

* SASCO (nước mắm)
* SASCO (logo cũ)
* TÂN SƠN NHẤT TAXI
* SAIGON SASCO TAXI
* PHÚ QUỐC TAXI
* PHUSA HOTEL
* PHÙ SA
* Hoa Mai (nước mắm)
* SASCO TraVel
* CAM RANH (nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai)
* CAM RANH'S (nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai)
* CAMRANH (nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai)
* CAM RANH (bùn thô, Trung tâm tắm bùn)
* Viet Spa
* SASCO Travel Full Service Corporate travel
* SASCO Blue Lagoon It's Relax Times
* Sim Spa For a pure relaxation!
* Wami
* Waterman
* SASCO DUTYFREE Tan Son Nhat
* SASCO Business Class
* Nước mắm "Phú Nhĩ"
* Blue Lagoon

### Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

***Bảng9: Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ngày ký** | **Đối tác** | **Nội dung** | **Giá trị phát sinh** | | |
| **ĐVT** | **Giá trị** | **Thời gian phát sinh giá trị** |
| **I** | **MUA VÀO** | | |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | | **USD** | **2.409.481** |  |
| **VND** | **30.863.587.087** |  |
| 1 | 12/09/2013 | IPP Group (S) Pte Ltd | Cung cấp và bán hàng hóa, sản phẩm tại các cửa hàng miễn thuế ở nhà ga quốc tế Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất | USD | 2.353.601 | B/q tháng của 06 tháng đầu năm 2014 |
| 2 | 01/04/2013 | Công ty TNHH MTV Hóa Dầu Quân Đội | Cung cấp Xăng dầu | VND | 6.681.762.374 | B/q tháng năm 2013 |
| 3 | 16/09/2013 | Tổng Công ty Hàng Không VN | Cung cấp Vé máy bay | VND | 6.604.707.796 | B/q tháng năm 2013 |
| 4 | 01/04/2013 | DNTN Thượng Nguyên | Cung cấp Bia | VND | 6.085.966.883 | B/q tháng năm 2013 |
| 5 | 01/03/2013 | Công ty CP Phát Triển Vườn Xanh | Cung cấp Trái cây, bánh pía, cây cảnh … | VND | 2.055.309.867 | B/q tháng năm 2013 |
| 6 | 01/03/2013 | Cty TNHH AUTOGRILL VFS F&B | Hợp tác, quản lý và điều hành | VND | 3.720.613.917 | B/q tháng của 06 tháng đầu năm 2014 |
| 7 | 22/08/2012 | Công ty TNHH MTV TMDV Thụy Lài | Hàng thực phẩm chế biến | VND | 1.865.226.250 | B/q tháng năm 2013 |
| 8 | 05/05/2014 | Cty TNHH Đầu tư và Thương Mại Kỹ Thuật CEMCO Việt Nam | Cung cấp Hạt nhựa nguyên sinh | VND | 3.850.000.000 |  |
| 9 | 10/03/2014 | RECRON (Malaysia) SDN.BHD | Nhập PET CHIPS 6801 | USD | 55.880 |  |
| **II** | **BÁN RA** |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | | **VND** | **33.753.329.566** |  |
| 1 | 01/04/2013 | CTy CP Thương Mại Hàng Không Miền Nam | Hợp đồng cung cấp bia | VND | 14.975.174.914 | B/q tháng năm 2013 |
| 2 | 28/12/2012 | Tổng CTY HK Việt Nam -Trung Tâm Khai Thác TSN | Hợp đồng cung cấp Suất ăn delay,tiếp khách,vận chuyển khách,xe sân đỗ,nhiên liệu | VND | 10.789.613.025 | B/q tháng năm 2013 |
| 3 | 30/10/2013 | SINGAPORE AIRLINES | Hợp đồng cung cấp Suất ăn, phòng khách, Spa | VND | 124.567.764 | B/q tháng năm 2013 |
| 4 | 28/12/2012 | CATHAY PACIFIC AIRWAYS | Hợp đồng dịch vụ Phòng khách, | VND | 1.123.720.543 | B/q tháng năm 2013 |
| 5 | 02/11/2009 | PRIORITY PASS (A.P) Ltd | Hợp đồng dịch vụ phòng khách | VND | 1.056.020.488 | B/q tháng năm 2013 |
| 6 | 16/06/2014 | Cty CP SX & TM Nhựa Hòa Phát | Hợp đồng bán hạt nhựa nguyên sinh HDPE | VND | 3.986.400.000 |  |
| 7 | 01/01/2014 | Cty TNHH MTV Du Lịch Hạnh Phúc | Hợp đồng cung cấp Phòng 2014 (Blue Lagoon) | VND | 360.728.833 | B/q tháng của 06 tháng đầu năm 2014 |

*Nguồn: Công ty*

### Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

***Bảng10: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2011 – 2013***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **2011** | **2012** | **2013** | **Năm 2013 /2012 (%)** |
| 1 | Vốn điều lệ đăng ký | Triệu đồng | 756.419 | 887.000 | 887.000 | 100,00 |
| 2 | Tổng giá trị tài sản | Triệu đồng | 1.486.976 | 1.571.088 | 1.563.393 | 99,51 |
| 3 | Nợ vay ngắn hạn | Triệu đồng | 108.626 | 88.195 | 112.190 | 127,21 |
|  | *Trong đó, nợ quá hạn* | *Triệu đồng* | *-* | *-* | *-* | *-* |
| 4 | Nợ vay dài hạn | Triệu đồng | 4.800 | - | - | - |
|  | *Trong đó, nợ quá hạn* | *Triệu đồng* | *-* | *-* | *-* | *-* |
| 5 | Nợ phải thu khó đòi | Triệu đồng | 59.634 | 300.071 | 325.488 | 108,47 |
| 6 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | Triệu đồng | 1.831.520 | 1.950.294 | 2.147.664 | 110,12 |
|  | *Trong đó doanh thu thuần* | *Triệu đồng* | *1.708.060* | *1.809.667* | *2.008.381* | *110,98* |
| 7 | Tổng chi phí | Triệu đồng | 1.736.039 | 1.835.611 | 2.020.554 | 110,08 |
| 8 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 90.665 | 109.627 | 122.519 | 111,76 |
| 9 | Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 86.629 | 98.920 | 92.360 | 93,37 |
| 10 | Nộp ngân sách Nhà nước | Triệu đồng | 26.042 | 87.255 | 73.869 | 84,66 |
|  | *Trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp* | *Triệu đồng* | *2.658* | *61.299* | *47.475* | *77,45* |
| 11 | Tổng số lao động bình quân/tháng | Người | 1.651 | 1.644 | 1.755 | 106,75 |
| 11.1 | *Lao động Sasco bình quân/tháng* | *Người* | *1.446* | *1.433* | *1.575* | *109,91* |
| 11.2 | *Lao động thuê ngoài bình quân/tháng* | *Người* | *205* | *211* | *180* | *85,31* |
| 12 | Tiền lương bình quân người lao động (người/tháng) | Triệu đồng | 8.870 | 9.445 | 9.490 | 100.48 |
| 13 | Tiền lương bình quân của lao động Sasco (người/tháng) | Triệu đồng | 9.697 | 10.314 | 10.059 | 97.53 |
| *Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Sasco* | | | | | | |

Hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đều hoàn thành kế hoạch và năm sau tăng trưởng cao so với năm trước, cụ thể như sau:

Trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2013:

* Doanh thu bình quân năm đạt 1.976,49 tỷ đồng/năm, tăng trưởng bình quân năm là 8,29%.
* Lợi nhuận trước thuế bình quân năm đạt 107,60 tỷ đồng/năm, tăng trưởng bình quân năm là 16,25%.

Nộp ngân sách nhà nước bình quân năm đạt 62,4 tỷ đồng/năm, tăng trưởng bình quân năm là 68,42%.

### 

**Đánh giá chung về tình hình tài chính**

Căn cứ bảng số liệu kết quả sản xuất kinh doanh và thực trạng tài chính như trên, cho thấy tình hình tài chính của Công tyqua các năm:

* Khả năng tự chủ tài chính tốt, thông qua hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu thấp;
* Khả năng thanh toán được đảm bảo trong mọi thời điểm;
* Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu ở mức trung bình, cụ thể năm 2011 là 13,47%; năm 2012 là 14,23%; năm 2013 là 14,94%;

Công ty tổ chức, huy động các loại vốn cần thiết cho nhu cầu hoạt động kinh doanh hiện tại cũng như đáp ứng đủ vốn cho nhu cầu phát triển của công ty. Trong đó, nguồn vốn chủ sở hữu luôn được bảo tồn và phát triển qua các năm, tạo điều kiện đảm bảo nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Với năng lực và lợi thế kinh doanh, trong từng thời kỳ công ty luôn chủ động, sử dụng hợp lý các nguồn vốn (*vốn huy động, vốn trong thanh toán, vốn chủ sỡ hữu…*) với chi phí thấp nhất.

Công ty sử dụng vốn huy động một cách hợp lý và đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh, thông qua việc duy trì cơ cấu tài sản phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty trong từng thời kỳ.

### Xếp loại doanh nghiệp

Với những thành tích đã đạt được, từ năm 2011 đến năm 2013 công ty được xếp loại A theo đánh giá của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam.

### Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

* **Thuận lợi**
* Thị trường hàng không có tốc độ tăng trưởng nhanh, ổn định.
* Sự hỗ trợ, tạo điều kiện của Tổng Công ty cảng Hàng Không Việt Nam (Chủ sở hữu phần vốn nhà nước nắm cổ phần chi phối) đối với thị trường mục tiêu, truyền thống.
* Với năng lực, kinh nghiệm đã được tích lũy trong nhiều năm trong việc cung cấp dịch vụ hàng không, Công ty ngày càng khẳng định khả năng cung cấp sản phẩm và dịch vụ với chất lượng cao, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của khách hàng trong và ngoài nước.
* Công tác quản lý, điều hành sản xuất được thực hiện theo hệ thống hoàn chỉnh; đảm bảo quy trình, chất lượng sản phẩm, nâng cao uy tín của công ty trên thị trường.
* Cán bộ, công nhân viên công ty hiện nay đã trưởng thành, đủ năng lực cũng như kinh nghiệm để đưa hoạt động của công ty đi lên, đảm bảo kế hoạch đề ra và đạt được lợi nhuận cao.
* **Khó khăn**
* Công ty hoạt động trong thị trường nhạy cảm với các tác động của các biến động xung đột chính trị, thiên tai, thời tiết, dịch bệnh.
* Trong kinh tế thị trường, SASCO cũng chịu tác động bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế phải đối mặt như sự biến động của kinh tế thế giới, sự ảnh hưởng của lạm phát nền kinh tế quốc dân. Trong những năm vừa qua, kinh tế Việt Nam đã phải đối mặt với nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty cũng đã bị ảnh hưởng rất lớn. Hiện nay, mặc dù kinh tế thế giới và trong nước đã có những dấu hiệu tích cực, tuy nhiên, tình hình khó khăn chung cũng còn ảnh hưởng đến công ty trong giai đoạn đầu khi chuyển sang công ty cổ phần.
* Kinh tế thế giới mặc dù đang thoát khỏi khủng hoảng, dần hồi phục, nhưng tình hình chính trị, kinh tế vẫn còn rối ren xảy ra tại nhiều nước buộc các nước phải áp dụng chính sách thắt chặt chi tiêu, thắt lưng buộc bụng,… tỷ lệ thất nghiệp cao góp phần làm ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam
* Nhà nước tuy có nhiều nỗ lực kiềm chế lạm phát nhưng với giá cả một số mặt hàng tiêu dùng tăng cao, người tiêu dùng tiếp tục thắt chặt chi tiêu, tập trung cho các mặt hàng thiết yếu và tích lũy; Tình hình tiền tệ tài chính diễn biến còn nhiều phức tạp, khó lường.
* Một số cảng hàng không như Đà Nẵng; Cam Ranh; Phú Quốc … đã mở đường bay Quốc tế đã làm ảnh hưởng đến sản lượng hành khách qua Sân bay Quốc tế Tân Sơn nhất.
* Các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường.

### Vị thế của Công ty và triển vọng phát triển của ngành

### Vị thế của Công ty

Công ty là doanh nghiệp đứng đầu trong lĩnh vực cung cấp hàng hóa và dịch vụ tại sân bay Tân Sơn Nhất với nhiều lợi thế:

* Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất là một trong những cửa ngõ quan trọng kết nối Việt Nam và thế giới. Hơn thế nữa cảng hàng không san bay Tân Sơn Nhất cũng đứng đầu về mặt công suất với 17-20 triệu lượt khách mỗi năm - quá tải khi lượng hành khách lớn hơn 25 triệu khách/năm, (so với công suất hiện tại của sân bay Nội Bài là 6 triệu, Sân bay Đà Nẵng là 3 triệu). Sasco hiện tại là đơn vị dẫn đầu tại thị trường này.
* Sasco với hơn 20 năm hình thành và phát triển Sasco đã tạo dựng tên tuổi vững chắc trong ngành cung cấp dịch vụ và hàng hóa tại các cảng sân bay.
* Với bề dày 20 năm hình thành và phát triển, Sasco đã xây dựng được đội ngũ lãnh đạo có thâm niên. Các lãnh đạo chủ chốt tại Sasco đều có kinh nghiệm từ 10 – 15 năm kinh nghiệm.
* Với quy mô lao động gần 1.700 nhân viên, Sasco có số lượng lao động lớn trong ngành. Đội ngũ nhân sự của Sasco được đào tạo bài bản vềnghiệp vụ, với 23% có trình độ đại học và trên đại học.

### Triển vọng phát triển của ngành

**Dự báo thị trường đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025:**

Theo Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế ([ICAO](http://www.icao.int/Pages/default.aspx)) dự báo tốc độ tăng trưởng về hành khách trên thế giới sẽ đạt tương ứng 5,9% và 6,3% năm 2014 và 2015.

Với sự chuyển biến tích cực của kinh tế thế giới và khởi sắc của kinh tế Việt Nam, đặc biệt, những yếu tố thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của ngành hàng không nói chung và của Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Sân bay quốc tế Phú Quốc. **Sasco dự báo tình hình thị trường của Công ty** đến 2020 và tầm nhìn đến 2015 **như sau:**

* **Thị trường trong sân bay:**
* **Tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất**
* Theo nguồn VCBS tổng hợp, hiện nay Sân bay Tân Sơn Nhất đã đạt ngưỡng 20 triệu lượt khách, lúc cao điểm đạt 550 chuyến một ngày và 02 tháng đầu năm 2014 thị trường hàng không tiếp tục tăng cao ở con số 23%;
* Theo Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam, sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất sau khi cải tạo, mở rộng sẽ đạt công suất tối đa 25 triệu hành khách/năm. khi đó độ lớn của thị trường đã đến hạn, ảnh hưởng đến tốc độ phát triển quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
* Hiện nay, thị trường kinh doanh của Sasco đã và đang xuất hiện nhiều yếu tố cạnh tranh, tại sân bay, các tổ chức và cá nhân đều có thể tham gia kinh doanh làm thị phần của Sasco bị chia sẻ;
* Mặc dù thị trường đã đạt đỉnh, thị phần bị chia sẻ, nhưngvới năng lực, kinh nghiệm đã được tích lũy trong nhiều năm trong việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao, Sasco khẳng định sẽ tiếp tục giữ vị thế hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ hàng không tại sân bay Tân Sơn Nhất, duy trì tốc độ tăng trưởng, chỉ số tài chính ở mức an toàn cao, hệ thống sản phẩm, hàng hóa, đa dạng, chất lượng dịch vụ tốt.
* **Thị trường ngoài sân bay:**
* Duy trì và phát triển các sản phẩm, dịch vụ hiện có: sản xuất đóng chai nước mắm Phú Quốc, dịch vụ vận tải hành khách đường bộ, dịch vụ du lịch …
* Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch, vận chuyển tại thị trường Phú Quốc
* Đầu tư kinh doanh triển khai các dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng, khai thác kinh doanh nước khoáng, triển khai các dự án Trung tâm thương mại, nhà ở xã hội…
* Công ty đã thiết lập được mối quan hệ, gắn bó lâu dài, ổn định với các đối tác hợp tác kinh doanh, mối quan hệ hợp tác với các tổ chức tín dụng và ngân hàng. Với chính sách mở cửa và hội nhập toàn diện, công ty sẽ có cơ hội hợp tác và phát triển thị trường, cũng như thực hiện việc liên doanh, liên kết với các đối tác trong quá trình phát triển.

### Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty

Việt Nam có môi trường chính trị, xã hội và pháp luật khá ổn định; Kinh tế hội nhập sâu rộng và tốc độ tăng trưởng khá cao. Triển vọng ngành hàng không là khá tốt khi các nước trong khu vực và trên thế giới đang ngày càng thực hiện việc mở cửa bầu trời, trong khi đó Việt Nam là một trong nhưng quốc gia có thị trường chuyên chở hàng hóa và hành khác lớn so với các nước khác trên thế giới, đây là tín hiệu hết sức tích cực cho Công ty. Do vậy, những định hướng phát triển của Công ty là phù hợp với sự phát triển tất yếu của ngành và của xã hội.Và những định hướng này nhìn chung là phù hợp với sự phát triển bền vững và lâu dài của Công ty trong tương lai.

## PHẦN IV

## PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

## GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

### Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa

|  |  |
| --- | --- |
| * Tên tiếng việt: | **Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân Bay Tân Sơn Nhất** |
| * Tên giao dịch quốc tế: | Southern Airports Services Joint Stock Company |
| * Tên giao dịch viết tắt: | SASCO |
| * Biểu tượng: |  |
| * Địa chỉ: | Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, P.2, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh |
| * Điện thoại: | (08) 38448358 |
| * Fax: | (08) 38447812 |
| * Email: | sasco@sasco.com.vn |
| * Website: | www.sasco.com.vn |

### Hình thức pháp lý

Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; được mở tài khoản tại các ngân hàng trong nước và nước ngoài; được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, trong đó Nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

### Ngành nghề kinh doanh dự kiến

Kế thừa các ngành nghề kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp theo giấy phép đăng ký doanh nghiệp số 0301123125 bao gồm:

* Kinh doanh hàng Miễn thuế;
* Kinh doanh Bán hàng bách hoá, mỹ nghệ;
* Kinh doanh Vận tải phục vụ hành khách và hàng hóa;
* Kinh doanh Xuất nhập khẩu; Giao nhận hàng hóa;
* Kinh doanh Du lịch;
* Kinh doanh Nhà hàng, Khách sạn;
* Kinh doanh Quảng cáo;
* Kinh doanh Bất động sản;
* Sản xuất, kinh doanh trang trại và các dịch vụ tổng hợp khác,....
* Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) (Mã ngành 9610)
* Đại lý du lịch (Mã ngành 7911)
* Chuyển phát (Chi tiết: Dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện, dịch vụ chuyển phát nhanh hàng hóa) (Mã ngành 5320)
* Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Mã ngành 7320)
* Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón (Mã ngành 0891)
* Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động tại trụ sở) (Mã ngành 1075).
* Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không hoạt động tại trụ sở) (Mã ngành 3100)
* Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Mã ngành 5210).
* Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Môi giới thương mại, đấu giá tài sản) (Mã ngành 4610).
* Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Mã ngành 8230).
* Hoàn thiện công trình xây dựng (Mã ngành 4330).
* Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành 7110).
* Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)) (Mã ngành 5510).
* Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành 5610) (Chi tiết: Nhà hàng, Dịch vụ cung cấp khẩu phần ăn trên máy bay. Dịch vụ cung cấp ăn uống theo hợp đồng).
* Điều hành tua du lịch (Mã ngành 7912).
* Hoạt động vui chơi giải trí chưa được phân vào đâu (Mã ngành 9329) (Chi tiết: Kinh doanh bãi tắm, vũ trường, karaoke (không hoạt động tại Tp. HCM), hoạt động bơi lội, thể thao dưới nước, đua thuyền, dịch vụ du thuyền, thể thao trên không, nhảy dù, hoạt động của các câu lạc bộ thể dục thể hình, nhịp điệu.
* Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sàn, đấu giá quyền sử dụng đất (Mã ngành 6820).
* Cắt tóc, làm đầu, gội đầu (Mã ngành 9631).
* Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở) (Mã ngành 1104).
* Trồng rừng và chăm sóc rừng (không hoạt động tại trụ sở) (Mã ngành 0210).
* Bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy (Mã ngành 4542).
* Xây dựng nhà các loại (Mã ngành 4100).
* Hoạt đông tư vấn quản lý (Mã ngành7020).
* Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải (Mã ngành 5229).
* Vận tải đường ống (không hoạt động tại trụ sở) (Mã ngành 4940).
* **Các sản phẩm chủ yếu của Công ty là:**

Về cơ bản sau khi cổ phần hóa, Công ty vẫn đảm bảo duy trì phát triển các sản phẩm truyền thống mà các sản phẩm này đóng góp vào phần lớn doanh thu cho Công ty đó là:

* Các mặt hàng tiêu biểu từ hệ thống cửa hàng miễn thuế như rượu, thuốc lá, nước hoa, mỹ phẩm, đồng hồ, thời trang, đồ da…
* Hệ thống thương mại dịch vụ sân bay như phòng khách CIP, VIP, hệ thống cửa hàng bách hóa, nhà hàng, quầy bar, thu đổi ngoại tệ…

### Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

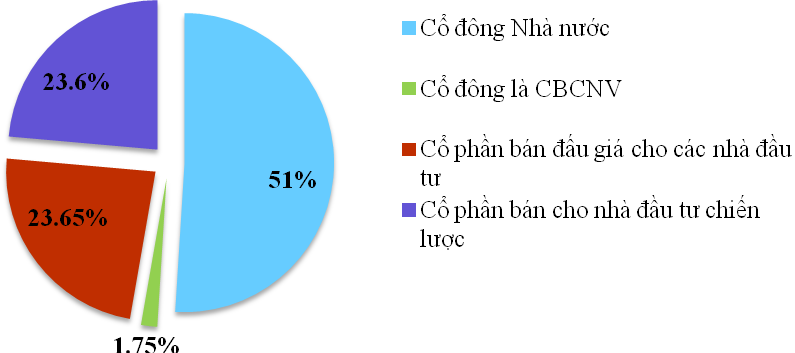
* 1. Căn cứ xác định vốn điều lệ
* Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 03 năm tới.
* Kế hoạch đầu tư và mở rộng các dự án của Công ty.
* Giá trị doanh nghiệp, giá trị phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam thời điểm ngày 31/12/2013 theo Quyết định số 917/QĐ-BGTVT ngày 27/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2013 là 1.**989.664.645.727** đồng. Trong đó: Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: **1.313.271.893.589** đồng.
  1. Quy mô vốn điều lệ
* Vốn điều lệ : 1.315.000.000.000 đồng.
* Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng.
* Số lượng cổ phần : 131.500.000 cổ phần.
* Loại cổ phần :Cổ phần phổ thông.
  1. Cơ cấu vốn điều lệ

*Bảng 11: Cổ phần nắm giữ của các cổ đông*

| **Stt** | **Cổ đông** | **Tỷ lệ**  **nắm giữ**  **(%)** | **Số cổ phần (CP)** | **Giá trị cổ phần (đồng)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Cổ đông Nhà nước** | **51,00** | **67.065.000** | **670.650.000.000** |
| **2** | **Cổ đông là CBCNV (2.1+2.2)** | **1,75** | **2.303.100** | **23.031.000.000** |
| 2.1 | Cổ phần bán giá ưu đãi bằng 60% giá bán nhà đầu tư chiến lược | 0,86 | 1.131.100 | 11.311.000.000 |
| 2.2 | Cổ phần đăng ký mua thêm theo số năm cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp (2.2.1 + 2.2.2) | 0,89 | 1.172.000 | 11.720.000.000 |
| *2.2.1* | *Mua thêm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP (200 CP/1năm)* | *0,51* | *676.000* | *6.760.000.000* |
| *2.2.2* | *Mua thêm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP (500 CP/1 năm)* | *0,38* | *496.000* | *4.960.000.000* |
| **3** | **Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư** | **23,65** | **31.097.900** | **310.979.000.000** |
| **4** | **Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược** | **23,60** | **31.034.000** | **310.340.000.000** |
|  | **Tổng cộng** | **100,00** | **131.500.000** | **1.315.000.000.000** |
| *Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Sasco* | | | | |

*Biểu đồ 2: Cơ cấu vốn điều lệ và cơ cấu cổ phần bán ra bên ngoài*

*Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Sasco*



### Cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần sau cổ phần hóa

Sau cổ phần hóa, Công ty hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty như sau:

***Sơ đồ 2:Sơ đồ tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa***

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**P. TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG**

**PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**

**PHÒNG**

**TỔ CHỨC NHÂN SỰ**

**P. PHÁP CHẾ & KIỂM SOÁT NỘI BỘ**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

**BAN KIỂM SOÁT**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÒNG ĐẦU TƯ**

**PHÒNG TIẾP THỊ & PHÁT TRIỂN KD**

**PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**CHI NHÁNH**

**HÀ NỘI**

**TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI SASCO TSN**

**PHÒNG KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ**

**CHI NHÁNH PHÚ QUỐC**

*Nguồn: Phương án cổ phần hóa Sasco*

* **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

* **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị 05 thành viên (gồm Chủ tịch và các thành viên).

* **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Số lượng thành viên Ban kiểm soát dự kiến là 03 thành viên (gồm Trưởng ban và 02 thành viên).

* **Ban Tổng Giám đốc (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc)**

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Giúp Tổng Giám đốc điều hành Công ty có các Phó Tổng Giám đốc.

* **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng do Tổng Giám đốc đề nghị để Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Công ty theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

* **Bộ máy giúp việc**

**08 phòng ban chức năng:**

* **Văn phòng Công ty:**Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong công tác: hành chính, văn thư – lưu trữ, đối ngoại, truyền thông, quản lý cơ sở vật chất, kỹ thuật, an toàn, an ninh, vệ sinh của tòa nhà điều hành, công tác Đảng; Công đoàn, Đoàn Thanh niên, công tác Thi đua -khen thưởng; Xã hội - từ thiện.
* **Phòng Tài chính Kế toán**: Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong công tác trong công tác: tài chính, kế toán; thống kê; kế hoạch.
* **Phòng Tiêu chuẩn Chất lượng:**Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong công tác: Nghiên cứu, xây dựng các tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng cho các sản phẩm, dịch vụ, xây dựng quy trình sản xuất của công ty phù hợp với các quy chuẩn của Nhà nước; Kiểm tra, đánh giá đạt chuẩn cho các sản phẩm, dịch vụ, quy trình sản xuất của các đơn vị, bộ phận trực thuộc Công ty.
* **Phòng Công nghệ thông tin:**Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong công tác trong lĩnh vực công nghệ thông tin, tổ chức thiết kế, xây dựng các chương trình phần mềm ứng dụng; tổ chức quản lý, vận hành hệ thống mạng máy tính; tổ chức quản lý, vận hành hệ thống thông tin liên lạc của Công ty.
* **Phòng Tổ chức Nhân sự**: Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong công tác về công tác tổ chức, quản lý cán bộ, lao động; công tác tiền lương, thực hiện chính sách chế độ cho người lao động; công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.
* **Phòng đầu tư:** Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong công tác: Tổ chức quản lý, triển khai thực hiện các dự án của Công ty; Tổ chức tư vấn, kinh doanh các lĩnh vực bất động sản, xây dựng và các lĩnh vực có liên quan; Tư vấn đầu tư – xây dựng.
* **Phòng Tiếp thị và phát triển kinh doanh:** Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong công tác: nghiên cứu, hoạch định chiến lược marketing và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
* **Phòng Pháp chế và kiểm soát nội bộ:**Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong công tác pháp lý; thực hiện việc kiểm tra, giám sát để đảm bảo việc tuân thủ quy định của pháp luật và các quy chế, quy trình tại các bộ phận trong Công ty.

**02 đơn vị kinh doanh:**

* Phòng Kinh doanh hàng miễn thuế: Là đơn vị bán hàng miễn thuế tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất; Thực hiện xuất nhập khẩu hàng hóa miễn thuế phục vụ hoạt động kinh doanh của đơn vị; Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty trong công tác tổ chức quản lý hàng hóa, hoạch định chiến lược kinh doanh – tiếp thị, thực hiện chức năng tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế theo phân cấp.
* Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất: Là đơn vị kinh doanh hạch toán phụ thuộc trực thuộc Sasco, có chức năng tổ chức kinh doanh trong các lĩnh vực sau:
* Hoạt động mua, bán: hàng bách hóa, mỹ nghệ, vàng bạc đá quý, bán vé máy bay, kinh doanh xăng dầu, xuất nhập khẩu;
* Hoạt động dịch vụ: ăn uống, giải khát, phòng khách hạng C, thu đổi ngoại tệ, massage, vận chuyển khách trong và ngoài sân bay, giao nhận hàng hóa, du lịch, trợ giúp hành khách; dịch vụ sân bay;
* Hoạt động sản xuất: sản xuất và kinh doanh nước mắm.

**02 Chi nhánh**

* Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Phú Quốc.
* Địa chỉ: 379 Nguyễn Trung Trực, KP.5, TT.Dương Đông, H.Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
* Mã số chi nhánh: 0301123125-006.
* Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Hà Nội.
* Địa chỉ: 74 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội.
* Mã số chi nhánh: 0301123125-008.

## PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SAU CỔ PHẦN HÓA

1. **Một số dự báo**

## Tình hình kinh tế - xã hội

Khủng hoảng kinh tế, bất ổn chính trị - xã hội, biến đổi khí hậu trên thế giới vẫn là nhân tố gây bất ổn, khó lường. Quá trình tái cấu trúc nền kinh tế và điều chỉnh các thể chế tài chính toàn cầu sẽ diễn ra mạnh mẽ, gắn với những bước tiến mới về khoa học, công nghệ và sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên.

Kinh tế Việt Nam theo dự báo của một số tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, giai đoạn 2012-2015 tỷ lệ lạm phát sẽ giảm xuống mức bình quân 7,8%/năm, tăng trưởng giữ ở mức 6,8%/năm. Tiêu dùng cá nhân sẽ tiếp tục suy giảm do quan ngại về tình hình kinh tế khó khăn. Năng lực cạnh tranh quốc gia, ngành công nghiệp phụ trợ và khả năng tiếp cận tín dụng của các doanh nghiệp tiếp tục khó khăn hơn.

## Dự báo ngành

Theo ông Giovanni Bisignani, Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) đến năm 2014, vận chuyển Hàng không quốc tế của Việt Nam sẽ phát triển nhanh thứ 3 thế giới (sau Trung Quốc và UAE), và là thị trường vận chuyển hành khách nội địa phát triển nhanh thứ hai sau Trung Quốc.

Trong những năm gần đây, sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất có tốc độ tăng trưởng bình quân đạt khoảng 15%/năm. Năm 2013, lượng hành khách thông qua sân bay này chiếm khoảng 45% tổng lượng hành khách thông qua các sân bay trên toàn quốc.

Số lượng hành khách đi và đến sân bay Tân Sơn Nhất năm 2013 đạt trên 20 triệu hành khách (đạt 107% kế hoạch năm), trong đó có hơn 9 triệu hành khách quốc tế, tăng 14% so với năm 2012. Sản lượng hàng hóa, bưu kiện 375.000 tấn, đạt 103% kế hoạch năm, tăng 10% so với năm 2012.Hai tháng đầu năm nay, thị trường hàng không tiếp tục tăng cao ở con số 23%. Do đó dự kiến đến năm 2015, lượng hành khách đi và đến sân bay Tân Sơn Nhất sẽ đạt trên 25 triệu/1 năm.

1. **Tầm nhìn, định hướng và chiến lược phát triển công ty cổ phần**

Trên cơ sở đánh giá, phân tích và những dự báo, nhận định tình hình mới, Công ty lên kế hoạch xây dựng mục tiêu, định hướng của công ty cổ phần như sau:

* 1. **. Tầm nhìn**

Trở thành một doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ cao cấp hàng đầu tại Việt Nam

* 1. **. Định hướng**

Tập trung cho sản xuất, kinh doanh: cung ứng các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao.

Nỗ lực nâng cao năng lực cạnh tranh: giữ vững và khai thác có hiệu quả thị trường mục tiêu làm nền tảng để phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh ra các thị trường và lĩnh vực tiềm năng giúp doanh nghiệp củng cố nguồn lực và phát triển bền vững;

Quan tâm đầu tư phát triển nguồn nhân lực: xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, nhiệt huyết để đồng hành và phát triển cùng công ty.

Không ngừng hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị: quan tâm đẩy mạnh việc nghiên cứu áp dụng các quy trình sản xuất kinh doanh, các tiêu chuẩn quản lý chất lượng, các ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ tiên tiến;

Tích cực tìm kiếm và đẩy mạnh các mối quan hệ hợp tác phát triển, các cơ hội đầu tư và sản xuất kinh doanh.

* 1. **. Chiến lược phát triển**

Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao; tập trung đẩy mạnh sản xuất kinh doanh dịch vụ phi hàng không đáp ứng nhu cầu của khách hàng và yêu cầu phát triển của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam;

Xây dựng doanh nghiệp vững mạnh về tiềm năng, thương hiệu và uy tín; kinh doanh hiệu quả, an toàn; hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, đóng góp tích cực vì sự phát triển chung của ngành hàng không, xã hội và đất nước;

Củng cố, phát triển và khai thác tốt các nguồn lực, đảm bảo sự phát triển bền vững; tạo dựng môi trường làm việc và văn hóa doanh nghiệp tốt đẹp; luôn chú trọng chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động; luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động có cơ hội lao động, học tập, cống hiến và phát triển;

Duy trì và phát huy truyền thống "phát triển kinh doanh gắn kết với lợi ích vì cộng đồng xã hội", đẩy mạnh các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, xã hội từ thiện và các hoạt động vì cộng đồng của Công Đoàn và Đoàn thanh niên trong toàn Công ty.

1. **Kế hoạch đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh**

Giai đoạn 2014 - 2016, tập trung vào một số dự án sau:

* Khu thương mại – căn hộ cao cấp Blue Sky Sasco tại thành phố Hồ Chí Minh với qui mô diện tích đất: 17.772,3 m2.
* Dự án Khu dân cư Thương Mại dịch vụ Sasco- An Bình tại Xã An Bình -Huyện Dĩ An -Tỉnh Bình Dương với qui mô diện tích đất: 28.909,31 m2.
* Khu Dịch vụ du lịch cao cấp SASCO Cam Ranh tại Khánh Hòa với qui mô diện tích đất:109,6 ha.
* Khu phức hợp SASCO Plazavới qui mô diện tích đất: 18.794,4 m2.

Công ty mở rộng thị trường ngoài sân bay như: Phát triển, đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu hiện có; Tăng quy mô, sản lượng nước mắm Phú Quốc – Sasco tại thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu. Hoàn thiện dây chuyền khép kín từ sản xuất, đóng chai…, phân phối và tiêu thụ nước mắm; Khai thác hiệu quả và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trang trại, trồng cao su.

1. **Phương án sử dụng đất đai**

* **Tại địa bàn Tp.Hồ Chí Minh**

**Khu đất Nhà điều hành Công ty Sasco**

* Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh
* Diện tích: 22.115,6 m2
* Hồ sơ pháp lý:
* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 483352 ngày 31/7/2009 do UBND Thành phố cấp (Kèm theo Quyết định số 3169/QĐ-UBND ngày 26/6/2009 của UBND Thành phố).
* Hợp đồng thuê đất số 5571/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 31/7/2009 giữa UBND TPHCM và Sasco.
* Hiện trạng sử dụng: Đang sử dụng làm văn phòng Công ty.
* Phương án sử dụng đất: Nhà điều hành, khu trung tâm thương mại và văn phòng cho thuê.
* Hình thức sử dụng đất: Đất thuê trả tiền hàng năm.

**Khu đất 108, 112B và 114 Hồng Hà**

* Địa chỉ: 108, 112B, 114 Hồng Hà, phường 2, quận Tân Bình
* Diện tích: 17.772,3m2
* Hồ sơ pháp lý:
* Thông báo số 494/TB-BGTVT ngày 25/10/2007 của Bộ Giao thông Vận tải đồng ý phương án chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Sasco;
* Công văn số 3184/STC-BCĐ09-CS ngày 20/4/2009 của Ban Chỉ đạo 09 về việc chấp thuận “Chuyển mục đích sử dụng đất”;
* Công văn số 3938/TNMT-QLSDĐ ngày 25/06/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường TPHCM về sử dụng đất tại địa điểm số 112B (khu chữ O), 114 và 108 đường Hồng Hà, phường 2, quận Tân Bình.
* Biên bản họp Ban chỉ đạo 09 ngày 24/3/2008.
* Hiện trạng sử dụng: Đang sử dụng tạm làm hồ bơi, câu lạc bộ thể thao.
* Phương án sử dụng đất: Đầu tư dự án khu thương mại dịch vụ căn hộ cao cấpSasco (Theo Quyết định số 3150/QĐ-CCMN ngày 21/12/2007 của Cụm cảng hàng không miền Nam về việc phê duyệt phương án kinh doanh “Khu thương mại – Dịch vụ và Chung cư căn hộ Hàng không Sasco và tập Phương án kinh doanh 2007).
* Hình thức sử dụng đất: Lập phương án giao đất có thu tiền sử dụng đất.

**Khu đất Hóc Môn**

* Địa chỉ: Xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, TP.HCM
* Diện tích: 10.316 m2
* Hồ sơ pháp lý:
* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 764580 ngày 19/10/2005 với diện tích 490m2 (thửa đất số 331 thuộc tờ bản đồ số 1 BĐC.X.XTS.HM tại xã Thới Sơn, huyện Hóc Môn) do UBND TPHCM cấp.
* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 764581 ngày 19/10/2005 với diện tích 9.826m2 (thửa đất số 332, 333 thuộc tờ bản đồ số 1 BĐC.X.XTS.HM tại xã Thới Sơn, huyện Hóc Môn) do UBND TPHCM cấp.
* Hiện trạng sử dụng: Lập vườn ươm, trồng cây cảnh.
* Phương án sử dụng đất:
* Lập vườn ươm, trồng cây cảnh;
* Xây dựng khu biệt thự nhà vườn (Theo Phương án lập vườn ươm, nhân giống, trồng cây kiểng và cây xanh số 1265/TCT-DVTS ngày 08/11/2002 và Đơn xin thuận địa điểm đầu tư xây dựng khu dân cư “Biệt thự vườn kết hợp nhà ở liên kế” tại xã Xuân Thới Sơn số 199/TCT-DVTS ngày 03/03/2006 của Sasco).
* Hình thức sử dụng đất: Đất chuyển nhượng hợp pháp.
* Ủy ban Nhân dân Tp.Hồ Chí Minh chưa có ý kiến về phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty.
* **Tại địa bàn tỉnh Bình Dương**

**Khu đất An Bình – Bình Dương**

* Địa chỉ: Xã An Bình, Huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
* Diện tích: 28.909,31 m2
* Hồ sơ pháp lý:
* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 098060 ngày 14/08/2001 do UBND tỉnh Bình Dương cấp.
* Hiện trạng sử dụng: Đang làm xưởng nước mắm; nhà hàng, sân thể thao. Các nhà cửa vật kiến trúc được sử dụng vật liệu nhẹ.
* Quyết định số 2806/QĐ-UBND ngày 11/09/2008 của UBND tỉnh Bình Dương về việc cho Công ty SASCO chuyển mục đích sử dụng đất sang xây dựng Khu dân cưu Thương mại dịch vụ tại xã An Bình, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
* Phương án sử dụng đất: Đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội.
* Hình thức sử dụng đất: Lập phương án giao đất có thu tiền sử dụng đất.
* Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương chưa có ý kiến về phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty.
* **Tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

**Khu đất Suối Hoa - Đà lạt**

* Địa chỉ: khoảnh 306, 308 tiểu khu 147, phường 7, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
* Diện tích: 1.311.300 m2(131,13 ha)
* Hồ sơ pháp lý:
* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 949237 ngày 17/03/2009.
* Hợp đồng thuê đất số: 292/HĐ-TĐ ngày 31/12/2008 với diện tích cho thuê 7,38 ha.
* Hợp đồng thuê đất số: 165/HĐ-TĐ ngày 30/06/2009 với diện tích cho thuê 123,75 ha.
* Giấy chứng nhận đầu tư số 42121000223 ngày 14/4/2008 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp.
* Hiện trạng sử dụng: Đang triển khai dự án án Khu nghỉ dưỡng sinh thái.
* Phương án sử dụng đất: Đầu tư xây dựng dự án Khu nghỉ dưỡng sinh thái theo Giấy chứng nhận đầu tư số 42121000223 ngày 14/4/2008 do UBND tỉnh Lâm Đồng.
* Hình thức sử dụng đất: Đất thuê trả tiền hàng năm.
* Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng chưa có ý kiến về phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty.
* **Tại địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**Khu đất khu phố 1 Thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang**

* Địa chỉ: khu phố 1 Thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
* Diện tích: 2.200 m2.
* Hồ sơ pháp lý:
* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W582196 ngày 27/6/2003 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp.
* Hiện trạng sử dụng: Đang triển khai dự án xây dựng cây xăng.
* Phương án sử dụng đất:
* Xây dựng cây xăng.
* Chuyển nhượng lại.
* Hình thức sử dụng đất: Đất chuyển nhượng hợp pháp.
* Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang đã có quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 về vệc phê duyệt Phương án sử dụng đất trên địa bàn huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất; Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 22/04/2014 về giá đất làm cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa đối với các thửa đất tại Huyên Phú Quốc tại tỉnh Kiên Giang của Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất.

**Khu đất đất Ấp Rạch Hàm, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang**

* Địa chỉ: đất Ấp Rạch Hàm, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (Thửa số 8a,8b, tờ bản đồ số 4).
* Diện tích: 9.973 m2 (thửa 1: 8.141 + thửa 2: 1.832)
* Hồ sơ pháp lý:
* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X165985 ngày 20/11/2003 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp.
* Hiện trạng sử dụng: Xây dựng trang trại trồng trọt chăn nuôi.
* Phương án sử dụng đất:
* Xây dựng nhà hàng phục vụ khách trên đường đi tham quan các địa điểm du lịch;
* Xây dựng trang trại trồng trọt và nuôi trồng các loại thủy hải sản;
* Xây dựng khu du lịch và bãi tắm để phục vụ khách du lịch.
* Hình thức sử dụng đất: Đất chuyển nhượng hợp pháp.
* Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang đã có quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 về vệc phê duyệt Phương án sử dụng đất trên địa bàn huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất; Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 22/04/2014 về giá đất làm cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa đối với các thửa đất tại Huyên Phú Quốc tại tỉnh Kiên Giang của Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất.

**Khu đất Ấp Bến Tràm, Khu Phố 1, Thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang**

* Địa chỉ: Ấp Bến Tràm, Khu Phố 1, Thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
* Diện tích: 1.000 m2.
* Hồ sơ pháp lý:
* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X165986 ngày 20/11/2003 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp.
* Hiện trạng sử dụng: vườn cây, trang trại.
* Phương án sử dụng đất:
* Phân lô xây dựng nhà ở hoặc xây chung cư;
* Xây dựng nhà hàng hoặc khách sạn phục vụ khách du lịch, kết hợp xây dựng làm bến tàu du lịch phục vụ đưa đón du khách tham quan sông Dương Đông nhằm khai thác tối đa lợi thế mặt sông Dương Đông.
* Hình thức sử dụng đất: Đất chuyển nhượng hợp pháp.
* Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang đã có quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 về vệc phê duyệt Phương án sử dụng đất trên địa bàn huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất; Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 22/04/2014 về giá đất làm cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa đối với các thửa đất tại Huyên Phú Quốc tại tỉnh Kiên Giang của Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất.

**Khu đất Ấp Bến Tràm, Khu Phố 1, Thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang**

* Địa chỉ: Ấp Bến Tràm, Khu Phố 1, Thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
* Diện tích: 1.000 m2.
* Hồ sơ pháp lý:
* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X165987 ngày 20/11/2003 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp.
* Hiện trạng sử dụng: vườn cây, trang trại.
* Phương án sử dụng đất:
* Phân lô xây dựng nhà ở hoặc xây chung cư;
* Xây dựng nhà hàng hoặc khách sạn phục vụ khách du lịch, kết hợp xây dựng làm bến tàu du lịch phục vụ đưa đón du khách tham quan sông Dương Đông nhằm khai thác tối đa lợi thế mặt sông Dương Đông.
* Hình thức sử dụng đất: Đất chuyển nhượng hợp pháp.
* Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang đã có quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 về vệc phê duyệt Phương án sử dụng đất trên địa bàn huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất; Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 22/04/2014 về giá đất làm cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa đối với các thửa đất tại Huyên Phú Quốc tại tỉnh Kiên Giang của Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất.

**Khu đất Ấp Bến Tràm, Khu Phố 1, Thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang**

* Địa chỉ: Ấp Bến Tràm, Khu Phố 1, Thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
* Diện tích: 1.000 m2.
* Hồ sơ pháp lý:
* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X165988 ngày 20/11/2003 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp.
* Hiện trạng sử dụng: vườn cây, trang trại.
* Phương án sử dụng đất:
* Phân lô xây dựng nhà ở hoặc xây chung cư;
* Xây dựng nhà hàng hoặc khách sạn phục vụ khách du lịch, kết hợp xây dựng làm bến tàu du lịch phục vụ đưa đón du khách tham quan sông Dương Đông nhằm khai thác tối đa lợi thế mặt sông Dương Đông.
* Hình thức sử dụng đất: Đất chuyển nhượng hợp pháp.
* Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang đã có quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 về vệc phê duyệt Phương án sử dụng đất trên địa bàn huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất; Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 22/04/2014 về giá đất làm cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa đối với các thửa đất tại Huyên Phú Quốc tại tỉnh Kiên Giang của Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất.

**Khu đất Ấp Bến Tràm, xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang**

* Địa chỉ:Ấp Bến Tràm, xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
* Diện tích: 30.129,3 m2.
* Hồ sơ pháp lý:
* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 404784 ngày 15/5/2009 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp.
* Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước “tiền sử dụng đất 3.677,3m2” số 0003190 ngày 23/04/2009 của Sasco (Kèm Thông báo nộp tiền sử dụng đất).
* Hiện trạng sử dụng: vườn cây, trang trại.
* Phương án sử dụng đất: Vườn ươn trồng cây cảnh, cây ăn trái.
* Hình thức sử dụng đất: Đất chuyển nhượng hợp pháp.
* Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang đã có quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 về vệc phê duyệt Phương án sử dụng đất trên địa bàn huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất; Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 22/04/2014 về giá đất làm cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa đối với các thửa đất tại Huyên Phú Quốc tại tỉnh Kiên Giang của Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất.

**Khu đất Khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang**

* Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
* Diện tích: 1.475,8 m2.
* Hồ sơ pháp lý:
* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X165825 ngày 11/8/2003 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp.
* Hiện trạng sử dụng: vườn cây, trang trại.
* Phương án sử dụng đất:
* Xây dựng cây xăng;
* Xây dựng nhà hàng hoặc khách sạn phục vụ đưa đón du khách tham quan.
* Hình thức sử dụng đất: Đất chuyển nhượng hợp pháp.
* Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang đã có quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 về vệc phê duyệt Phương án sử dụng đất trên địa bàn huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất; Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 22/04/2014 về giá đất làm cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa đối với các thửa đất tại Huyên Phú Quốc tại tỉnh Kiên Giang của Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất.

**Khu đất Khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang**

* Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
* Diện tích: 4.430,4 m2.
* Hồ sơ pháp lý:
* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 488567 ngày 24/6/2006 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp.
* Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước “tiền sử dụng đất 4.430,4 m2” số 0009020 ngày 22/01/2006 của Sasco (Kèm phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính).
* Hiện trạng sử dụng:
* Văn phòng Chi nhánh Công ty Sasco tại Phú Quốc.
* Xưởng sửa chữa ô tô Chi nhánh Công ty Sasco tại Phú Quốc
* Phương án sử dụng đất: Tiếp tục làm Văn phòng và xưởng sửa chữa chi nhánh Phú Quốc.
* Hình thức sử dụng đất: Đất chuyển nhượng hợp pháp.
* Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang đã có quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 về vệc phê duyệt Phương án sử dụng đất trên địa bàn huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất; Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 22/04/2014 về giá đất làm cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa đối với các thửa đất tại Huyên Phú Quốc tại tỉnh Kiên Giang của Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất.

**Khu đất Đường Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang**

* Địa chỉ: Đường Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
* Diện tích: 4.799 m2.
* Hồ sơ pháp lý:
* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 484764 ngày 24/10/2007 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp.
* Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước “tiền sử dụng đất 418m2” số 0010695 ngày 26/10/2007 của Sasco.
* Hiện trạng sử dụng: làm văn phòng Chi nhánh Công ty Sasco tại Phú Quốc.
* Phương án sử dụng đất: khu vực bãi đậu xe taxi và các công trình phụ của chi nhánh Công ty Sasco tại Phú Quốc.
* Hình thức sử dụng đất: Đất chuyển nhượng hợp pháp.
* Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang đã có quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 về vệc phê duyệt Phương án sử dụng đất trên địa bàn huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất; Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 22/04/2014 về giá đất làm cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa đối với các thửa đất tại Huyên Phú Quốc tại tỉnh Kiên Giang của Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất.

**Khu đất Đường Nguyễn Chí Thanh, Khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang**

* Địa chỉ: Đường Nguyễn Chí Thanh, Khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
* Diện tích: 4.758 m2.
* Hồ sơ pháp lý:
* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 497391 ngày 7/6/2007 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp.
* Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước “tiền sử dụng đất 520 m2” số 0021986 ngày 25/09/2007 của Sasco (Kèm Thông báo nộp tiền sử dụng đất).
* Hiện trạng sử dụng: làm văn phòng Chi nhánh Công ty Sasco tại Phú Quốc.
* Phương án sử dụng đất: Dự án xưởng đóng chai nước mắm hoặc xưởng đóng gói tiêu Phú Quốc.
* Hình thức sử dụng đất: Đất chuyển nhượng hợp pháp.
* Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang đã có quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 về vệc phê duyệt Phương án sử dụng đất trên địa bàn huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất; Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 22/04/2014 về giá đất làm cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa đối với các thửa đất tại Huyên Phú Quốc tại tỉnh Kiên Giang của Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất.

**Khu đất Ấp Bến Tràm, xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang**

* Địa chỉ: Ấp Bến Tràm, xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (Thửa số 60, tờ bản đồ số 1).
* Diện tích: 6.930,4 m2.
* Hồ sơ pháp lý:
* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 288998 ngày 18/01/2011 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp.
* Hiện trạng sử dụng: vườn cây, trang trại.
* Phương án sử dụng đất: Vườn ươm trồng cây cảnh, cây ăn quả.
* Hình thức sử dụng đất: Đất chuyển nhượng hợp pháp.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang đã có quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 về vệc phê duyệt Phương án sử dụng đất trên địa bàn huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất; Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 22/04/2014 về giá đất làm cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa đối với các thửa đất tại Huyên Phú Quốc tại tỉnh Kiên Giang của Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất.

1. **Kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa**

## Cơ cấu các nhóm doanh thu 2014 -2016

Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh từ năm 2014 đến năm 2016 của Công ty cổ phần trên cơ sở tiếp tục duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh hiện hữu và có dự kiến. Trên cơ sở cơ cấu doanh thu của các năm vừa qua, Công ty xây dựng cơ cấu doanh thu của các mảng hoạt động của Công ty trong các năm sau cổ phần hóa như sau:

*Bảng 12: Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực hoạt động của Sasco giai đoạn 2014 – 2016*

| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **NĂM 2014** | | **NĂM 2015** | | **NĂM 2016** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số tiền** | **Tỷ trọng**  **(%)** | **Số tiền** | **Tỷ trọng**  **(%)** | **Số tiền** | | **Tỷ trọng**  **(%)** | |
|  | **DOANH THU KINH DOANH** | **2.032.323** |  | **2.291.761** |  | **2.408.966** | |  | |
| **I** | **Phân theo loại hoạt động** | | | | | | | | |
| **1** | **Doanh thu bán hàng** | **1.606.452** | **79,05** | **1.849.667** | **80,71** | | **1.951.398** | | **81,01** |
| 1.1 | Tại Sân bay | 1.207.234 | 75,15 | 1.434.479 | 77,55 | | 1.512.410 | | 77,50 |
| 1.2 | Ngoài Sân bay | 399.218 | 24,85 | 415.187 | 22,45 | | 438.988 | | 22,50 |
| *-* | *Hồ Chí Minh* | *345.872* |  | *359.707* |  | | *381.289* | |  |
| *-* | *Chi nhánh Hà Nội* | *52.676* |  | *54.783* |  | | *56.974* | |  |
| *-* | *Chi nhánh Phú Quốc* | *669* |  | *696* |  | | *724* | |  |
| **2** | **Doanh thu cung cấp dịch vụ** | **425.870** | **20,95** | **442.094** | **19,29** | | **457.567** | | **18,99** |
| 2.1 | Tại Sân bay | 304.893 | 71,59 | 316.277 | 71,54 | | 327.976 | | 71,68 |
| 2.1 | Ngoài Sân bay | 120.977 | 28,41 | 125.816 | 28,46 | | 129.591 | | 28,32 |
| *-* | *Hồ Chí Minh* | *11.367* |  | *11.821* |  | | *12.176* | |  |
| *-* | *Chi nhánh Phú Quốc* | *109.610* |  | *113.994* |  | | *117.414* | |  |
| **II** | **Phân theo thị trường** |  |  |  |  | |  | |  |
| **1** | **Tại thị trường Sân bay** | **1.512.127** | **74,40** | **1.750.757** | **76,39** | | **1.840.386** | | **76,40** |
| 1.1 | Bán hàng | 1.207.234 | 79,84 | 1.434.479 | 81,93 | | 1.512.410 | | 82,18 |
| 1.2 | Cung cấp dịch vụ | 304.893 | 20,16 | 316.277 | 18,07 | | 327.976 | | 17,82 |
| **2** | **Thị trường ngoài Sân bay** | **520.196** | **25,60** | **541.003** | **23,61** | | **568.580** | | **23,60** |
| 2.1 | Bán hàng | 399.218 | 76,74 | 415.187 | 76,74 | | 438.988 | | 77,21 |
| 2.2 | Cung cấp dịch vụ | 120.977 | 23,26 | 125.816 | 23,26 | | 129.591 | | 22,79 |
| *Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Sasco* | | | | | | | | | |

Thị trường tại Sân bay vẫn tiếp tục là thị trường mục tiêu của Công ty chiếm tỷ trọng doanh thu bình quân năm trên 76%/Tổng doanh thu toàn Công ty, tốc độ tăng trưởng doanh thu kinh doanh bình quân năm là 10,32%/năm (2014 đến 2016).

## Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 – 2016

Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa như sau:

*Bảng 13: Kế hoạch SXKD của Công ty giai đoạn 2014 – 2016* *Đơn vị tính: triệu đồng*

| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **Năm 2014** | **Năm 2015** | **Năm 2016** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **2.032.323** | **2.291.761** | **2.408.966** |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |
| *1.1* | Doanh thu bán hàng | *1.606.452* | *1.849.667* | *1.951.398* |
| *1.2* | Doanh thu cung cấp dịch vụ | *425.870* | *442.094* | *457.567* |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 4.411 | 4.822 | 4.967 |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.027.911 | 2.286.938 | 2.403.998 |
| **4** | **Giá vốn hàng bán** | **1.392.954** | **1.570.773** | **1.647.251** |
| **5** | **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **634.957** | **716.165** | **756.747** |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 55.848 | 53.997 | 55.996 |
| 7 | Chi phí tài chính | 11.025 | 14.57 | 14.677 |
|  | *Trong đó: chi phí lãi vay* | *2.500* | *2.200* | *2.000* |
| 8 | Chi phí bán hàng | 341.430 | 383.870 | 403.501 |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 165.212 | 167.736 | 176.813 |
| **10** | **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** | **173.138** | **203.979** | **217.752** |
| 11 | Thu nhập khác | 7.539 | 7.916.680 | 8.312.514 |
| 12 | Chi phí khác | 348 | 500 | 500 |
| **13** | **Lợi nhuận khác** | **7.191** | **7.416** | **7.812** |
| **14** | **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | **180.330** | **211.396** | **225.564** |
| 15 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 33.873 | 41.007 | 39.613 |
| 16 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại |  |  |  |
| **17** | **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** | **146.456** | **170.388** | **185.951** |
| **18** | **Vốn chủ sở hữu** | **1.315.000** | **1.315.000** | **1.315.000** |
| **19** | **Tỷ lệ lãi trước thuế/vốn chủ sở hữu** | **13,71%** | **16,08%** | **17,15%** |
| *Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Sasco* | | | | |

## Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2014 -2016

Thừa kế kết quả sản xuất kinh doanh đã đạt được trong thời gian qua, căn cứ kế hoạch định hướng kinh doanh trong thời gian tới, mục tiêu mới và nguồn lực mới, Công ty tiếp tục lấy thị trường trong sân bay làm thị trường mục tiêu đồng thời mở rộng thị trường bên ngoài sân bay.

Trên cơ sở đó, Công ty xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa 2014-2016 như sau:

*Bảng 14: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2014 – 2016*

| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **Năm 2014** | **Năm 2015** | **Năm 2016** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổng giá trị sản lượng | Triệuđồng |  |  |  |
| 2 | Vốn điều lệ đăng ký | Triệu đồng | 1.315.000 | 1.315.000 | 1.315.000 |
| 3 | Tổng giá trị tài sản | Triệu đồng | 2.039.285 | 2.088.042 | 2.096.689 |
| 4 | Nợ vay ngắn hạn | Triệu đồng | 110.000 | 112.000 | 103.000 |
|  | Trong đó, nợ quá hạn | Triệu đồng |  |  |  |
| 5 | Nợ vay dài hạn | Triệu đồng | 104.531 | 83.625 | 62.719 |
|  | Trong đó, nợ quá hạn | Triệu đồng |  |  |  |
| 6 | Nợ phải thu khó đòi | Triệu đồng | 265.307 | 265.307 | 265.307 |
| 7 | Dự phòng nợ phải thu khó đòi | Triệu đồng |  |  | 0 |
| 8 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | Triệu đồng | 2.095.712 | 2.353.675 | 2.473.276 |
|  | Trong đó doanh thu thuần | Triệu đồng | 2.027.912 | 2.286.939 | 2.403.999 |
| 9 | Tổng chi phí | Triệu đồng | 1.910.970 | 2.137.456 | 2.242.744 |
| 10 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 180.330 | 211.396 | 225.565 |
| 11 | Tỷ lệ lãi trước thuế/vốn điều lệ (11 = 10/2) | % | 13,71% | 16,08% | 17,15% |
| 12 | Thuế TNDN | Triệu đồng | 33.873 | 41.008 | 39.614 |
| 13 | Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 146.457 | 170.388 | 185.951 |
| 14 | Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | % | 7,18% | 8,16% | 8,87% |
| 15 | Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) | % | 11,14% | 12,96% | 14,14% |
| 16 | Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS) | % | 7,22% | 7,45% | 7,74% |
| 17 | Dự kiến trích lập các quỹ (15%/LNST) | Triệu đồng | 21.969 | 25.558 | 27.893 |
| 18 | Dự kiến lợi nhuận chia cổ tức | Triệu đồng | 124.488 | 144.830 | 158.058 |
| 19 | Dự kiến tỷ lệ cổ tức (16 = 15/2) | % | 9,47% | 11,01% | 12,02% |
| 20 | Nộp ngân sách nhà nước | Triệu đồng | 63.356 | 71.964 | 72.044 |
| 21 | Tổng số lao động | Người | 1.815 | 1.865 | 1.885 |
| 22 | Thu nhập bình quân người lao động (người/tháng) | Ngànđồng | 9.750 | 10.460 | 10.838 |

*Ghi chú: Kế hoạch SXKD trên chưa bao gồm hết các khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi.*

**Năm 2014**

**Thị trường Sân bay**

* Công ty vẫn tiếp tục củng cố và duy trì tốc độ tăng trưởng tại thị trường mục tiêu, mặc dù trong năm có những biến động làm ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh doanh, cụ thể:
* Nhà ga Quốc nội Sân bay Tân Sơn Nhất sửa chữa khoảng 3 tháng làm gián đoạn một số địa điểm kinh doanh của công ty tại nhà ga dẫn đến doanh thu kinh doanh của công ty giảm khoảng 48 tỷ đồng, tương ứng giảm 2,4% so với thực hiện năm 2013.
* Tình hình bất ổn tại biển đông làm lượng khách Quốc tế qua Sân bay Tân Sơn Nhất giảm (đặt biệt khách Trung Quốc và Nga) làm ảnh trực tiếp đến hoạt động kinh doanh tại nhà ga Quốc tế. Trong sáu tháng đầu năm 2014 số lượng khách Trung Quốc và Nga giảm 8% làm doanh thu giảm khoảng 15 tỷ đồng, tương ứng giảm 1,84% so với cùng kỳ

**Tại thị trường ngoài Sân bay**

* Công ty tiếp tục tăng trưởng với doanh thu tăng 16 tỷ đồng, tương ứng tăng 3,18% so với năm 2013.

Từ những phân tích trên, Công ty dự kiến kế hoạch doanh thu năm 2014 của toàn Công ty sẽ giảm khoảng 108 tỷ đồng, tương ứng giảm 5,02 % so với năm thực hiện 2013.

**Năm 2015 và 2016**

**Thị trường Sân bay**

Công ty duy trì và phát triển thị trường mục tiêu trên cơ sở các dự kiến:

* Sản lượng hành khách qua Sân bay Tân sơn Nhất năm 2015 tăng 6,8% so với năm 2014; Năm 2016 tăng 6% so với năm 2015.
* Hoạt động tại Nhà ga Quốc nội trở lại bình thường và tăng trưởng ổn định
* Tháng 7/2015 nhà ga Quốc tế Sân bay Tân Sơn Nhất sẽ được mở rộng, Công ty sẽ mở rộng diện tích kinh doanh bán hàng miễn thuế khoảng 500 m2, doanh thu bán hàng miễn thuế tăng thêm 67 tỷ đồng, tương ứng tăng 7,78% so với năm 2014.

**Tại thị trường ngoài Sân bay:**

* Công ty duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân năm là 4,55%/năm (2014 đến 2016), trong đó dự tính năm 2015 và 2016 mở rộng kinh doanh xuất khẩu; Xúc tiến thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và Châu Âu làm tăng doanh thu xuất nhập khẩu của công ty tăng bình quân khoảng 10 tỷ đồng/năm, tương ứng bình quân tăng 200% so với cùng kỳ.
* Các khoản chi phí hoạt động được xây dựng dưa trên:
* Các định mức đã được công ty xây dựng và áp dụng qua nhiều năm
* Cân đối trên nhu cầu thực tế của hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả trong từng loại hình.

*Lưu ý: Các kế hoạch trên chưa ước tính tình hình ảnh hưởng của Biển đông, các rủi ro từ bất ổn chính trị, dịch bệnh thiên tai trong khu vực và trên thế giới ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.*

## Kế hoạch tài chính

Căn cứ vào định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2014 – 2016 về lĩnh vực hàng không, chiến lược đầu tư xây dựng cơ bản, dự kiến kế hoạch vay vốn và trả nợ các dự án. Trên cơ sở đó Công ty xây dựng phương án tài chính của Công ty với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

*Bảng 15: Kế hoạch tài chính của Công ty giai đoạn 2014 – 2016*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **31/12/2014** | **31/12/2015** | **31/12/2016** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **TỔNG TÀI SẢN** | **2.039.285** | **2.088.042** | **2.096.689** |
| **I** | **Tài sản ngắn hạn** | **1.127.121** | **1.055.006** | **1.029.515** |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 325.818 | 189.026 | 173.827 |
| 2 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 196.681 | 220.000 | 192.000 |
| 3 | Các khoản phải thu (ngắn hạn + dài hạn) | 353.921 | 363.410 | 367.697 |
| 4 | Hàng tồn kho | 237.902 | 268.272 | 281.992 |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 12.798 | 14.298 | 13.998 |
| **II** | **Tài sản dài hạn** | **912.164** | **1.033.036** | **1.067.175** |
| 1 | Tài sản cố định | 492.899 | 771.821 | 821.389 |
|  | Trong đó: |  |  |  |
| *1.1* | *Tài sản cố định hữu hình và vô hình* | *238.255* | *222.477* | *212.045* |
| *1.2* | *Chi phí xây dựng cơ bản dở danh* | *254.644* | *549.344* | *609.344* |
| 2 | Bất động sản đầu tư | 19.703 | 19.127 | 18.550 |
| 3 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 257.594 | 189.109 | 189.109 |
| 4 | Tài sản dài hạn khác | 141.968 | 52.979 | 38.126 |
|  | **TỔNG NGUỒN VỐN** | **2.039.285** | **2.088.042** | **2.096.689** |
| **III** | **Nợ phải trả** | **716.962** | **757.200** | **756.549** |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 611994 | 673.575 | 693.831 |
| 2 | Nợ dài hạn | 104.967 | 83.625 | 62.719 |
| **IV** | **Nguồn vốn chủ sở hữu** | **1.322.323** | **1.330.842** | **1.340.140** |
| 1 | Vốn của chủ sở hữu | 1.322.323 | 1.330.842 | 1.340.140 |
| 1.1 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 1.315.000 | 1.315.000 | 1.315.000 |
| 1.2 | Trích lập các quỹ | 7.323 | 15.842 | 25.140 |
| 2 | Nguồn kinh phí, quỹ khác | **-** | **-** | **-** |
| *Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Sasco* | | | | |

* **Tình hình tài chính**

Dựa vào kế hoạch kinh doanh và tài chính từ năm 2014 đến năm 2016 của Công ty sau cổ phần cho thấy Công ty có tình hình tài chính lành mạnh, cụ thể:

* Khả năng tự chủ tài chính tốt, thông qua hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu thấp cụ thể: năm 2014 là 0,54; năm 2015 là 0,57; năm 2016 là 0.5756,45%.
* Khả năng thanh toán được đảm bảo cụ thể: năm 2014 là 1,84 ; năm 2015 là 1,57; năm 2016 là 1,48.
* **Tình hình đầu tư tài sản cố định**

Kế hoạch đầu tư tài sản cố định của Công ty tăng là do các nguyên nhân sau:

* Công ty dự kiến đầu tư máy móc và trang thiết bị năm 2014 là 47 tỷ đồng; năm 2015 là 28 tỷ đồng; năm 2016 là 40 tỷ đồng.
* Công ty tiếp tục thực hiện các dự án đang trong giai đoạn triển khai chưa hoàn tất, chi phí xây dựng cơ bản dở dang dự kiến năm 2014 là 235 tỷ đồng; năm 2015 là 294 tỷ đồng; năm 2016 là 60 tỷ đồng.

## Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản 2014 -2016

*Bảng 16: Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2014 – 2016*

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| **Stt** | **Hạng mục** | **Năm 2014** | **Năm 2015** | **Năm 2016** | **Diễn giải tóm tắt sự cần thiết đầu tư** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
| **I** | **Dự án chuyển tiếp năm 2013** | **233.040.326** | **259.700.000** | **53.000.000** |  |
| 1 | Khu du lịch sinh thái Vũng Bầu | 146.122.844 | 65.000.000 | 11.000.000 | Mở rộng dịch vụ kinh doanh |
| 2 | Khách sạn Blue Lagoon | 49.893.811 | 21.000.000 |  | Dự án đầu tư ra ngoài (Hình thức liên doanh) |
| 3 | SASCO PLAZA | 1.003.905 | 25.000.000 | 7.000.000 | Mở rộng dịch vụ kinh doanh |
| 4 | Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Suối Hoa | 74.452 | 8.700.000 | 3.000.000 | Mở rộng dịch vụ kinh doanh |
| 5 | Khu dân cư thương mại dịch vụ An Bình | 2.904.765 | 65.000.000 | 9.000.000 | Mở rộng dịch vụ kinh doanh |
| 6 | Khách sạn Sasco – Nha Trang | 367.581 | 35.000.000 | 7.000.000 | Mởrộng dịch vụ kinh doanh |
| 8 | Khu Dịch vụ du lịch cao cấp Sasco – Cam Ranh | 1.537.000 | 19.000.000 | 7.000.000 | Mởrộng dịch vụ kinh doanh |
| 9 | Dự án xưởng sản xuất nước mắm đóng chai SASCO | 23.685.968 |  |  | Mở rộng quy mô sản xuất |
| 10 | Dự án trồng cao su Bình Phước | 6.800.000 | 9.000.000 | 4.000.000 |  |
| **II** | **Dự án năm 2014** | **2.182.888** | **35.000.000** | **7.000.000** |  |
| 1 | Dự án Blue Sky SASCO | 2.182.888 | 35.000.000 | 7.000.000 | Mở rộng dịch vụ kinh doanh |
|  | **TỔNG CỘNG** | **235.223.214** | **294.700.000** | **60.000.000** |  |
| *Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Sasco* | | | | | |

1. **Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện**

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm 2014 – 2016 đã đề ra, Công ty đưa ra nhóm giải pháp gồm:

* 1. **Giải pháp kinh doanh**
* **Tại thị trường mục tiêu**
* Củng cố, duy trì và phát triển thị trường mục tiêu tại sân bay.
* Đa dạng hóa các sản phẩm, các hoạt động dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng.
* Tận dụng lợi thế cạnh tranh tại thị trường mục tiêu phát triển các loại hình dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.
* Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và giá cả cạnh tranh để không ngừng gia tăng doanh thu thông qua việc tìm kiếm và khai thác triệt để các nguồn cung cấp sản phẩm và dịch vụ chất lượng, uy tín và hiệu quả.
* Tận dụng sự hỗ trợ tích cực từ các đơn vị trong Tổng công ty, các đơn vị đang khai thác trong thị trường sân bay để phát triển kinh doanh.
* **Tại thị trường bên ngoài**
* Củng cố và phát triển các sản phẩm và dịch vụ tại các thị trường hiện có như Phú Quốc, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.
* Tăng cường công tác nghiên cứu thị trường; quảng bá sản phẩm và dịch vụ của công ty; tìm kiếm và tạo các kênh phân phối để dưa sản phẩm và dịch vụ của công ty ra thị trường trong và ngoài nước.
* Đẩy mạnh công tác xuất nhập khẩu để đưa sản phẩm Việt Nam đặc biệt là sản phẩm nước mắm của công ty đến các nước đặc biệt là Châu Âu.
* Xúc tiến đầu tư và thương mại tại thị trường Châu Âu.
  1. **Giải pháp về đầu tư**
* Triển khai các dự án trọng điểm, các dự án mang lại hiệu quả cao đã được các cơ quan chức năng chấp thuận đầu tư.
* Lựa chọn thời điểm triển khai thực hiện dự án phù hợp tình hình thị trường và tình hình hoạt động chung trong Công ty.
* Đầu tư vốn hướng tới mục tiêu tận dụng hết khả năng nhân lực hiện tại, đồng thời mang lại tích lũy nhanh. Các hoạt động đầu tư sẽ nhắm tới các công ty, các dự án mang tính chiến lược và có nhiều khả năng thu lợi nhuận lớn.
  1. **Giải pháp về vốn, tài chính**
* Tăng cường các hình thức huy động vốn để đảm bảo vốn cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty, đồng thời tăng tích lũy vốn để mở rộng đầu tư phát triển. Các giải pháp về nguồn vốn cụ thể:
* Dựa vào tiềm lực tài chính, uy tín kinh doanh của công ty để tăng cường và mở rộng hợp tác với ngân hàng đã và đang có quan hệ tín dụng nhằm thực hiện chi phí vốn vay thấp nhất.
* Tập trung nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản.
* Chú trọng sử dụng vốn trong thanh toán của khách hàng một cách hiệu quả nhất.
  1. **Giải pháp về nguồn nhân lực**
* Trong thời gian chuyển đổi cơ cấu tổ chức, và sau khi chuyển đổi, Công ty cập nhật bảng mô tả công việc cho phù hợp với yêu cầu của tổ chức mới.
* Cải tiến hệ thống đánh giá kết quả thực hiện công việc, gắn mục tiêu của công ty với mục tiêu cụ thể của từng đơn vị và CB-NV.
* Tăng cường công tác đánh giá nguồn nhân lực hiện tại, đào tạo để phát triển nhân viên đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty.
* Thu hút, tuyển dụng lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, nhiều kinh nghiệm và am hiểu thị trường để bổ sung năng lực còn thiếu hụt.
* Cải tiến hệ thống lương, thưởng gắn với năng lực của người lao động, kết quả thực hiện công việc của nhân viên, tạo động lực thúc đẩy năng suất lao động, đảm bảo công bằng nội bộ và cạnh tranh với thị trường bên ngoài.
* Đẩy mạnh hoạt động truyền thông nội bộ nhằm tăng cường gắn kết nhân viên, nâng cao động lực làm việc, xây dựng văn hóa doanh nghiệp Sasco ngày một phát triển.
  1. **Kế hoạch marketing quảng bá thương hiệu**
* Tích cực quảng bá và khẳng định thương hiệu Sasco thông qua chất lượng phục vụ các hoạt động kinh doanh thương mại.
* Lấy thế mạnh vượt trội về đội ngũ con người có trình độ chuyên môn cao; kinhnghiệm lâu năm... là lợi thế cạnh tranh với các đối thủ trên thị trường.
* Duy trì quan hệ tốt và đẩy mạnh công tác marketing với các tỉnh,thành phố địa phương trên cả nước để nắm bắt kịp thời nhu cầu đầu tư phát triển.
* Xây dựng tiêu chuẩn hệ thống thông tin khách hàng, hoàn thành ngân hàng dữ liệukhách hàng, chuẩn hóa chính sách chất lượng sản phẩm, chính sách phục vụ nhằm đảmbảo uy tín lớn của Sasco với khách hàng.
* Mỗi cán bộ công nhân viên, của Sasco đều có trách nhiệm quảng báthương hiệu Sasco thông qua tác phong làm việc chuyên nghiệp, chất lượngthực hiện công việc, góp phần phần nâng cao và duy trìthương hiệu Sasco.
  1. **Thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí**
* Xây dựng và ban hành các định mức chi phí.Kiểm soát việc thực hiện các định mức đã được ban hành.
* Tuyên truyền vận động cán bộ công nhân viên thực hiệc các định mức và tiết kiệm chi phí và chống lãng phí.
* Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch quảng cáo, tiếp thị hiệu quả, đảm bảo đáp ứng tối ưu nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.
* Khen thưởng, kỷ luật kịp thời cho các tập thể, cá nhân có thành tích trong việc tiết kiệm, chống lãng phí

## CÁC RỦI RO DỰ KIẾN

1. **Rủi ro về kinh tế**

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định, những rủi ro đó hình thành từ sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế, hoạt động chính trong lĩnh vực thương mại. Do đó, những chính sách phát triển kinh tế của đất nước cũng như sự tăng hay giảm chung về tốc độ phát triển của nền kinh tế sẽ có những tác động trực tiếp đến ngành nói chung và tác động mạnh đến hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng.

**Tốc độ tăng trưởng kinh tế**

Nửa đầu năm 2014, nền kinh tế thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng đã có một số sự tăng trưởng nhất định, tuy nhiên, tổng thể sự tăng trưởng này vẫn chưa cho thấy tính vững chắc thực sự. Một số nền kinh tế lớn mặc dù có kỳ vọng tăng trưởng khá nhưng vẫn còn nhiều yếu tố rủi ro như: Việc điều chỉnh chính sách tiền tệ và những yếu tố không bền vững trong chính sách tài chính công dài hạn của một số nền kinh tế phát triển; tình trạng bất ổn của các nền kinh tế mới nổi; phục hồi trong khu vực đồng Euro vẫn còn yếu... Ở trong nước, sản xuất kinh **doanh tiếp tục đối mặt với những khó khăn, áp lực: Sức mua trên thị trường thấp; khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao;** sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm... Trong đó, đáng chú ý là quá trình tái cơ cấu kinh tế diễn ra thiếu đồng bộ và chưa thực sự có những bước đi hiệu quả. Ngoài ra, thời gian gần đây tình hình biển Đông có nhiều diễn biến phức tạp, bước đầu ảnh hưởng đến động thái phát triển kinh tế - xã hội và đời sống dân cư cả nước.

Đứng trước những khó khăn của nền kinh tế trong và ngoài nước, Đảng, Quốc hội và Chính phủ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt các ngành, các cấp và địa phương thực hiện đồng bộ, hiệu quả, nỗ lực vượt qua khó khăn, phát huy tính chủ động, sáng tạo của toàn quân và toàn dân, trong đó có cộng đồng doanh nghiệp trong cả nước đã góp phần giữ ổn định vĩ mô, từng bước phát triển sản xuất, tạo tăng trưởng kinh tế hợp lý và bảo đảm an sinh xã hội.

Theo đó, số liệu từ Tổng cục Thống kê sau 06 tháng đầu năm 2014, thì tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 5,18% so với cùng kỳ năm 2013, trong đó quý I tăng 5,09%; quý II tăng 5,25%. Đây là mức tăng GDP cao so với mức tăng cùng kỳ năm 2012 và 2013 và cả ba khu vực đều có mức tăng cao hơn mức tăng cùng kỳ năm 2013. Trong mức tăng 5,18% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,96%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,33%, khu vực dịch vụ tăng 6,01% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2013 lần lượt là 2,07%; 5,18%; 5,92%). Đây là những dấu hiệu tích cực, toàn diện về tăng trưởng của nền kinh tế. Như vậy, khu vực dịch vụ tiếp tục đóng góp cao vào mức tăng trưởng chung, trong đó hoạt động bán buôn và bán lẻ tăng 5,78%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 8,50%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 5,51%.

Các dấu hiệu tăng trưởng tích cực trong khu vực dịch vụ là một trong những cơ hội, đồng thời cũng là thách thức lớn cho sự phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty, bởi sự biến động của các biến số vĩ mô là liên tục không ngừng, nhất là khi Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, điều đó đặt Công ty trước tình thế phải đổi mới, vươn lên và có những chính sách kinh doanh linh hoạt phù hợp với sự chuyển biến của nền kinh tế.

**Lạm phát**

Trong tháng 06, giá của các mặt hàng thiết yếu trên thế giới tăng không nhiều cùng với nguồn cung lương thực, thực phẩm dồi dào và nhất là việc thực hiện hiệu quả các chính sách về kiểm soát lạm phát đã góp phần giữ ổn định giá tiêu dùng trong nước. Theo Tổng cục Thống kê chỉ số giá tiêu dùng trong tháng 06/2014 tăng 0,3% so với tháng trước (Tháng 4/2014 tăng 0,08%, tháng 5/2014 tăng 0,2%). Một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng làm tăng giá tiêu dùng tháng 06: (1) Một số mặt hàng như đồ uống ngoài gia đình, quần áo hè may sẵn và giá các tua du lịch trong nước cũng như nước ngoài đều tăng do đang vào mùa nắng nóng và du lịch; (2) Việc điều chỉnh giá xăng dầu, giá dầu diesel và giá dầu hỏa vào ngày 22/4/2014 tác động làm chỉ số giá tiêu dùng tháng 06 cả nước tăng 0,15% so với tháng trước; (3) Giá dịch vụ y tế tại Tp.Hồ Chí Minh được điều chỉnh tăng từ ngày 01/6/2014 theo quyết định số 1365/QĐ-SYT ngày 27/5/2014 làm chỉ số giá dịch vụ y tế cả nước tăng 0,87%.

Cũng theo Tổng cục Thống kê chỉ số giá tiêu dùng tháng 06/2014 tăng 1,38% so với tháng 12/2013 và tăng 4,98% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân mỗi tháng trong 6 tháng đầu năm nay, CPI tăng 0,23%. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm nay tăng 4,77% so với bình quân cùng kỳ năm trước. Với mức tăng vừa nêu, lạm phát tiếp tục được kiểm soát ở tỷ lệ thấp hơn 5%. Theo Ủy ban giám sát Tài chính Quốc gia, nếu không có những biến động về giá các mặt hàng cơ bản thì khả năng lạm phát cả năm 2014 sẽ vào khoảng 5%.

Theo đánh giá chung, lạm phát thấp phần lớn do lượng cầu thấp. Bên cạnh đó, mặt bằng giá cả còn cao, sự tăng giá của hàng loạt các mặt hàng thiết yếu như xăng dầu, điện, nguyên liệu sản xuất... ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân, đã ảnh trực tiếp đến hoạt động của Công ty.

**Lãi suất**

Lạm phát ổn định tạo điều kiện giảm mặt bằng lãi suất. Tính đến tháng 05/2014, lãi suất huy động VND kì hạn 06 tháng đã giảm 0,8 điểm % so với đầu năm, từ mức 7,2%/năm xuống 6,4%/năm.

Như vậy, trong thời gian vừa qua, các động thái điều chỉnh giảm mức lãi suất từ Ngân hàng Nhà nước cho thấy sự nỗ lực từ phía Chính phủ nhằm tháo gỡ khó khăn, duy trì sự ổn định đồng thời thúc đẩy sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

**Tỷ giá hối đoái**

Tỷ giá hối đoái là một trong những chính sách kinh tế vĩ mô quan trọng  của mỗi quốc gia. Diễn biến của TGHĐ giữa USD với Euro, giữa USD/JPY… cũng như sự biến động tỷ giá giữa USD/VND đã có những tác động nhất định đến xuất nhập khẩu, cán cân thương mại, nợ quốc gia, thu hút đầu tư trực tiếp, gián tiếp...

Theo Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, tiền gửi nội tệ của khách hàng khi tính đến tháng 05 tiền gửi VND vẫn tăng 7,1% so với đầu năm. Lượng tiền gửi VND vẫn tăng cao, cùng với đó lượng tiền gửi ngoại tệ giảm mạnh -5,5%, cho thấy xu hướng dịch chuyển dòng vốn từ nội tệ sang ngoại tệ theo đợt biến động tỷ giá USD/VND là không mở rộng. Ngân hàng Nhà nước liên tục điều hành, kiểm soát nhằm ổn định tỷ giá (tỷ giá sau 6 tháng chỉ tăng 0,57% và bình quân 6 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước chỉ tăng 0,73%).

Công ty nhập khẩu hàng hóa phục vụ cho việc kinh doanh hàng miễn thuế và các khoản chi trả hộ chi phí dịch vụ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Mặc dù hiện tại thị trường ngoại hối và tỷ giá khá ổn định, tuy nhiên sự điều hành chính sách tỷ giá hối đoái của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cũng như bất kỳ sự biến động của tỷ giá hối đoái trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty.

Nhằm hạn chế rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái, Công ty tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

1. **Rủi ro tài chính**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

**Rủi ro tín dụng:**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

**Phải thu khách hàng:**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, thời gian tín dụng tối đa là 30 ngày, không cho tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

**Tiền gửi ngân hàng:**

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Rủi ro thanh khoản:**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

**Rủi ro thị trường:**

Dự kiến đến năm 2015 Sân bay Tân Sơn Nhất sẽ đạt công suất tối đa 25 triệu lượt khách/năm và không thể tiếp tục tăng trưởng (số lượt khách đạt tối đa thiết kế của sân bay) dẫn đến thị trường sẽ bị bảo hòa trong giai đoạn này.

Các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường. Cạnh tranh tất yếu dẫn đến sự giảm giá nhưng vẫn phải nâng cao chất lượng để giữ vững uy tín, thương hiệu đối với khách hàng.

**Rủi ro về giá chứng khoán:**

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

1. **Rủi ro cạnh tranh**

Nền kinh tế ngày càng phát triển, nhất là khi Việt Nam đã hòa mình vào sân chơi chung của WTO, thì sự cạnh tranh là tất yếu và ngày càng gay gắt hơn giữa các công ty cùng ngành trong và ngoài nước về sản phẩm kinh doanh, giá cả, thị phần… điều này đã có những tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, đó cũng đồng thời là cơ hội mang tính thúc đẩy Công ty trong việc nghiên cứu mở rộng thị trường, tìm kiếm các đối tác, phân khúc khách hàng tiềm năng, nâng cao tính chuyên nghiệp trong dịch vụ cung cấp… nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành trên thị trường.

1. **Rủi ro pháp lý**

Sau khi bước vào sân chơi chung của công ty cổ phần, mọi hoạt động liên quan đến Công ty không những trở nên minh bạch hơn, công khai hơn mà nó còn chịu ảnh hưởng của bởi các quy định của pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, các luật về thuế.

Trước đây, hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn còn thiếu tính ổn định và không nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành không đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi đôi khi không cao, do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn. Mặt khác, do đặc thù của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại nên việc thay đổi các chính sách pháp luật về thuế sẽ luôn ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hiện nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta đã dần hoàn thiện và luôn được thay đổi cho phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, hệ thống văn bản này còn phải tiếp tục điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Do vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhịp với sự vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới. Điều này cũng tạo được điều kiện thuận lợi hơn để Công ty có thể đưa ra các kế hoạch kinh doanh.

1. **Rủi ro đặc thù của ngành**

Ngành hàng không chịu nhiều tác động bởi các biến động về chính trị, kinh tế, dịch bệnh, thời tiết đến việc đi lại của hành khách, trực tiếp ảnh hưởng đến đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1. **Rủi ro đợt chào bán**

Đợt chào bán cổ phần của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Công ty.

Đợt chào bán này là đợt bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty. Tổng giá trị đợt bán đấu giá tính theo mệnh giá là **1.315.000.000.000** đồng. Do không có đơn vị bảo lãnh phát hành nên đợt bán đấu giá này có thể không thành công như kỳ vọng, tức là tổng khối lượng cổ phần được mua thấp hơn khối lượng chào bán. Khi đó, số cổ phần không chào bán hết sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 40 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần. Cụ thể như sau:

*“Ban chỉ đạo cổ phần hóa được quyền chào bán công khai tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá theo phương thức thỏa thuận trực tiếp. Các nhà đầu tư từ chối mua cổ phần sẽ không được nhận lại tiền đặt cọc khi tham dự đấu giá.*

*Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì Ban chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu.*

*Ban chỉ đạo cổ phần hóa và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần sau khi công ty cổ phần đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh”.*

Rủi ro của đợt chào bán nếu xảy ra sẽ làm thay đổi cơ cấu vốn điều lệ thực tế của Công ty so với cơ cấu dự kiến. Qua đó, phần nào ảnh hưởng tới việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh của Tổng công ty sau khi cổ phần hóa.

**PHẦN V**

## THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

## PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

### Đối tượng mua cổ phần

Theo Điều 6 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 và chủ trương của Chính phủ, đối tượng mua cổ phần lần đầu bao gồm:

* Cán bộ công nhân viên của Công ty có mặt tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 27/03/2014.
* Các nhà đầu tư trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài.
* Các nhà đầu tư chiến lược.

### Phương thức chào bán

### Cổ phần người lao động được mua ưu đãi

* Cổ phần được ưu đãi giảm giá bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại khoản 1 Điều 48Nghị định 59/2011/NĐ-CP được thực hiện tại Công ty theo danh sách được Hội nghị người lao động bất thường thông qua.
* Tổng số người lao động trong danh sách lao động của Công ty tại thời điểm ngày 27/03/2014: **1.596 người**.
* Tổng số người được mua cổ phần giá ưu đãi: **1.327** người.
* Số người không đủ điều kiện mua: 269 người

*Trong đó*: 264 người do thời gian công tác tại khu vực nhà nước dưới 1 năm; 03 người là cán bộ được cử sang các Công ty có vốn góp của SASCO không có tên trong bảng lương và không đóng BHXH ở SASCO, 02 người trong danh sách có hưởng lương nhưng không tham gia BHXH.

* Tổng số người đăng ký mua cổ phần giá ưu đãi: **1.320**người
* Tổng số người không đăng ký mua cổ phần giá ưu đãi : **07** người
* Tổng số năm làm việc trong khu vực Nhà nước tương ứng của số người đăng ký tham gia mua cổ phần giá ưu đãi theo chế độ quy định: **11.311** năm.
* Số cổ phần giá ưu đãi của **1.320** người đã đăng ký mua theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước: **1.131.100** cổ phần.
* Cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP được thực hiện tại Công ty theo danh sách được Hội nghị người lao động bất thường thông qua.
* Về điều kiện:
* Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (27/3/2014);
* Thuộc đối tượng Công ty cần sử dụng;
* Có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu).
* Tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi có trình độ nghiệp vụ cao được Hội nghị người lao động nhất trí thông qua. Người lao động đạt một trong các tiêu chuẩn sau:
* Ít nhất 03 năm đảm nhiệm vị trí quản lý cấp từ cấp đội trở lên tại Công ty.
* Lao động đạt năng suất hiệu quả cao trong công việc: liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (đạt giấy khen của Giám đốc Công ty 03 năm 2011- 2012 và 2013)
* Lao động có kinh nghiệm làm việc lâu năm, có tay nghề cao trong lĩnh vực chuyên môn, đang giữ bậc lương 4/4, 5/5, 5-6/6, 6-7/7, 6-7-8/8, 10-11-12/12 (theo nghị định 205/CP).
* Tổng số lao động của Công ty có trong danh sách tại thời điểm ngày 27/03/2014 thuộc đối tượng chuyển sang làm việc tiếp tại công ty cổ phần: **1.586**người, trong đó có **1.551** người đủ điều kiện mua thêm cổ phần theo số năm cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp.
* Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 200 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp là: **479** người; Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này: **676.000** cổ phần.
* Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 500 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp là: **137** người; Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này: **496.000** cổ phần.

### Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn

Tổ chức công đoàn không đăng ký tham gia mua cổ phần.

### Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

* **Mục tiêu chào bán**
* Hỗ trợ Sasco áp dụng công nghệ mới để nâng cao năng suất, chất lượng cũng như nhiều sản phẩm dịch vụ chất lượng cao ra thị trường.
* Nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp và tăng cường sức cạnh tranh của Sasco trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.
* **Tiêu chí lựa chọn**

Sasco sẽ lựa chọn tối đa 03 nhà đầu tư chiến lược với các tiêu chí lựa chọn như sau:

* Được nhượng quyền kinh doanh, phân phối các thương hiệu hàng tiêu dùng cao cấp hiện đang có mặt tại các sân bay quốc tế trên thế giới;
* Có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh bán lẻ theo tiêu chuẩn quốc tế;
* Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp;
* Hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về cung ứng nguyên vật liệu, hàng hóa, dịch vụ, phát triển thị trường.
* **Danh sách nhà đầu tư chiến lược**

Trên cơ sở mục tiêu chào bán cũng như tiêu chí lựa chọn, Công ty lựa chọn 03 Nhà đầu tư chiến lược có khả năng đáp ứng các tiêu chí phù hợp như sau:

**Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương**

* Là nhà phân phối của các thương hiệu rượu cao cấp như Moet-Hennessy, RemyCointreau, Camus… tại Việt Nam;
* Là nhà phân phối và kinh doanh độc quyền thương hiệu Chanel tại Việt Nam;
* Được nhượng quyền kinh doanh chuỗi nhà hàng Thai Village và Illy Café tại Việt Nam;
* Có kinh nghiệm kinh doanh, khai thác siêu thị miễn thuế, trung tâm mua sắm thời trang cao cấp (REX ARCADE và Tràng Tiền Plaza);
* Là đối tác có khả năng hỗ trợ cung cấp hàng hóa, phát triển hệ thống bán hàng, nhà hàng theo tiêu chuẩn quốc tế cho Công ty.

**Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu**

* Là nhà phân phối độc quyền các nhãn hàng thời trang Nike, Tommy Hilifiger, CK, Diesel, Tumi… tại thị trường Việt Nam;
* Có kinh nghiệm tổ chức, quản lý, vận hành hệ thống bán lẻ với gần 80 cửa hàng bán lẻ trên toàn quốc;
* Là đối tác có khả năng hỗ trợ SASCO phát triển hệ thống bán hàng, chia sẻ thông tin thị trường, kinh nghiệm quản lý bán lẻ, đào tạo đội ngũ bán hàng cho Công ty;

**Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duy Anh**

* Là nhà phân phối các thương hiệu thời trang cao cấp Salvatore Ferragamo, Versace, Burberry, Bvlgari, Bally, Lancome, Biotherm… tại Việt Nam;
* Có năng lực, kinh nghiệm kinh doanh và am hiểu về thị trường bán lẻ thời trang cao cấp;
* Là đối tác có khả năng hỗ trợ Sasco phát triển, mở rộng hoạt động kinh doanh ngành hàng tiêu dùng cao cấp, xây dựng hệ thống phân phối các sản phẩm mang thương hiệu nổi tiếng trên thế giới để nâng cao chất lượng phục vụ hành khách.
* **Phương pháp và quy mô chào bán**

**Phương pháp chào bán**:

Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược trước khi đấu giá công khai: thỏa thuận trực tiếp với nhà đầu tư chiến lược có đủ tiêu chuẩn.

**Quy mô chào bán:**

Tổng số lượng cổ phần chào bán cho các nhà đầu tư chiến lược là **31.034.000** cổ phần, tương đương **23,60%** vốn điều lệ của Sasco.

Số lượng nhà đầu tư chiến lược được chọn là **03** nhà đầu tư.

Số lượng cổ phần bán cho các nhà đầu tư như sau:

* Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương: 21.040.000 cổ phần, tương ứng với 16% vốn điều lệ;
* Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duy Anh: 6.575.000 cổ phần, tương ứng với 5% vốn điều lệ;
* Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu: 3.419.000 cổ phần, tương ứng với 2,6% vốn điều lệ.
* **Xác định giá chào bán**

Căn cứ theo điểm đ khoản 3 Điều 6 Nghị định 59 giá bán cho Nhà đầu tư chiến lược trong trường hợp bán trước khi bán đấu giá công khai là giá thỏa thuận giữa các bên nhưng không thấp hơn giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

### Cổ phần chào bán đấu giá công khai

|  |  |
| --- | --- |
| * Số lượng cổ phần chào bán: | 31.097.900 cổ phần chiếm 23,65% vốn điều lệ. |
| * Loại cổ phần chào bán: | Cổ phần phổ thông. |
| * Mệnh giá: | 10.000 đồng/cổ phần. |
| * Giá khởi điểm: | 10.000 đồng/cổ phần. |
| * Đặt cọc: | 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm. |
| * Đối tượng tham gia: | Các tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất. |
| * Tổ chức bán đấu giá cổ phần: | Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh. |
| * Thời gian và địa điểm nhận công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá: | Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh ban hành. |
| * Thời gian tổ chức đấu giá: | Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh ban hành. |
| * Địa điểm tổ chức đấu giá: | Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh, địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh. |

### Phương thức thanh toán và thời gian thanh toán

Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúngcủa Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhấtdo Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh ban hành.

## KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA

Công ty tạm tính số tiền thu từ cổ phần hóa theo phương án giả định tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá bình quân theo giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần, sau khi có giá chính thức sẽ điều chỉnh theo, cụ thể như sau:

***Bảng 17: Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Số tiền (đồng)** |
| **1** | **Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp** | **1.313.271.893.589** |
| **2** | **Các khoản tiền thu từ cổ phần hóa (2.1 + 2.2 + 2.3)** | **639.825.600.000** |
| 2.1 | Thu từ bán cổ phần cho người lao động (*A+B*) | 18.506.600.000 |
| *A* | *Thu từ bán cổ phần giá ưu đãi* | 6.798.600.000 |
| *B* | *Thu từ bán cổ phần mua thêm theo số năm cam kết* | 11.720.000.000 |
| 2.2 | Thu từ bán đấu giá cổ phần | 310.979.000.000 |
| 2.3 | Thu từ bán cho nhà đầu tư chiến lược | 310.340.000.000 |
| **3** | **Giá trị cổ phần bán cho người lao động và bán đấu giá tính theo giá khởi điểm (3.1 + 3.2 + 3.3)** | **644.350.000.000** |
| 3.1 | Giá trị cổ phần bán cho người lao động theo giá khởi điểm | 23.031.000.000 |
| 3.2 | Giá trị cổ phần bán đấu giá theo giá khởi điểm (*C+D*) | 310.979.000.000 |
| *C* | *Giá trị cổ phần phát hành thêm* | *1.728.110.000* |
| *D* | *Giá trị cổ phần Nhà nước bán bớt* | *309.250.893.589* |
| 3.3 | Giá trị bán cho nhà đầu tư chiến lược | 310.340.000.000 |
| **4** | **Vốn Nhà nước tham gia theo phương án cổ phần hóa** | **670.650.000.000** |
| **5** | **Chi phí cổ phần hóa dự kiến** | **1.711.714.000** |
| **6** | **Chi phí giải quyết cho lao động dôi dư** | **668.069.900** |
| **7** | **Số tiền thu từ bán phần vốn Nhà nước còn lại sau khi trừ đi các khoản chi theo quy định [(1+2-3-4-5-6)] (\*)** | **635.717.709.689** |
| *Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Sasco* | | |

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại Mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty sẽ nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty Cảng Hàng hàng không Việt Nam.Trong đó chi phí cổ phần hóa dự kiến cụ thể như sau:

| **Stt** | **Khoản mục chi phí** | **Số tiền** |
| --- | --- | --- |
| **I** | **Chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp** | **375.274.000** |
| 1 | Kiểm kê, phân loại tài sản | 28.924.000 |
| 2 | Chi phí tổ chức đối chiếu công nợ | 50.000.000 |
| 3 | Chi phí tập huấn, phổ biến về cổ phần hóa | 36.350.000 |
| 4 | Tuyên truyền, công bố thông tin | 60.000.000 |
| 5 | Đại hội cổ đông lần đầu | 200.000.000 |
| **II** | **Chi phí tư vấn** | **840.000.000** |
| 1 | Chi phí thuê tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp | 200.000.000 |
| 2 | Chi phí tư vấn | 110.000.000 |
| *2,1* | *Chi phí xây dựng phương án CPH và xây dựng điều lệ Công ty cổ phần* | *50.000.000* |
| *2,2* | *Chi phí tư vấn tổ chức đại hội cổ đông lần đầu* | *60.000.000* |
| 3 | Chi phí bán đấu giá cổ phần | 360.000.000 |
| *3,1* | *Chi phí tư vấn hồ sơ bán đấu gíá lần đầu* | *60.000.000* |
| *3,2* | *Chi phí tổ chức bán cổ phần* | *300.000.000* |
| **III** | **Chi phí Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc** | **496.440.000** |
| 1 | Chi phí Ban chỉ đạo | 406.440.000 |
| *1.1* | *Thù lao Ban chỉ đạo* | *325.000.000* |
| *1.2* | *Chi phí đi lại của Ban chỉ đạo* | *81.440.000* |
| 2 | Thù lao Tổ giúp việc | 90.000.000 |
|  | **TỔNG CỘNG** | **1.711.714.000** |
| *Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Sasco* | | |

*Ghi chú: Chi phí cổ phần hóa dự kiến trên đây chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng*

## KẾT LUẬN

Bản công bố thông tin được cung cấp cho nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá tài sản,nguồn vốn, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhấttrước khi đăng ký tham gia đấu giá mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin, số liệu do Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất cung cấp và phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất theo quy định đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi ra quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất.

Trân trọng cảm ơn.

*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2014*

**BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA**

**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO**

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA**

**CÔNG TY TNHH MTVDỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

**CHỦ TỊCH – GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN**

**NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

**– CHI NHÁNH TP.HỒ CHÍ MINH**

**GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH**

**LÊ VĂN MINH**